

Ngày soạn:  
Ngày dạy:

Tuần: 1

**Chủ đề 1: QUANG HỌC.**

**Tiết 1: NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng về ánh sáng, vì sao mắt ta nhìn thấy được mọi vật, phân biệt được nguồn sáng, vật sáng.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài: nhận biết ánh sáng - nguồn sáng, vật sáng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới bài: nhận biết ánh sáng - nguồn sáng, vật sáng.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:  
Lớp 7A3: lớp 7A4:
2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
3. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li><li>+ Ta nhận biết được ..... khi có ..... truyền vào mắt ta.</li><li>+ ..... là vật tự nó phát ra ánh sáng.</li><li>+ Ta nhìn thấy một vật khi có ..... truyền từ ..... vào mắt ta.</li><li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li><li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li></ul>	<p><b><u>A- Lý thuyết:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li></ul> <p>-&gt; Các từ điền: <b>ánh sáng; ánh sáng</b></p> <p>-&gt; <b>Nguồn sáng</b></p> <p>-&gt; <b>ánh sáng; vật đỏ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS tham gia trả lời.</li><li>- HS tiếp nhận thông tin.</li></ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li><li><b><u>Bài 1:</u></b> Giải thích vì sao trong phòng có cửa gỗ đóng kín không bật đèn ta không nhìn thấy mảnh giấy trắng đặt trên bàn?.</li><li>- Yêu cầu HS trả lời.</li><li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li><li><b><u>Bài 2:</u></b> Ta đã biết vật đen không phát ra</li></ul>	<p><b><u>B- Bài tập:</u></b></p> <p><b><u>Trả lời:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vì không bật đèn thì không có ánh sáng chiếu vào tờ giấy trắng, do đó tờ giấy không hấp thụ ánh sáng vào mắt ta, nên ta không nhìn thấy tờ giấy để trên bàn.</li></ul>

<p>ánh sáng và cũng không hắt lại ánh sáng chiếu vào nó. Nhưng ban ngày ta vẫn nhìn thấy miếng bìa màu đen, vì sao?</p> <p>- Yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</p> <p><b>Bài 3:</b> Tại sao ta nhìn thấy bông hoa có màu đỏ hay màu vàng?</p> <p>- Yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	<p><b>Trả lời:</b></p> <p>- Sở dĩ ta nhìn thấy được miếng bìa màu đen vào ban ngày là do miếng bìa được đặt gần những vật sáng khác.</p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>Ta nhìn thấy được bông hoa có màu đỏ hay màu vàng là do có một ánh sáng màu đỏ hay màu vàng truyền từ bông hoa đó vào mắt ta.</p>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<p>+ Học thuộc phần ghi nhớ. + Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Làm thêm một số bài tập trong sách bài tập. + Xem trước bài - <b>Sự truyền ánh sáng.</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....

Tuần: 2

Ngày dạy: .....

### Chủ đề 1: QUANG HỌC

#### Tiết 2: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

#### I. MỤC TIÊU:

- Giải thích được một số hiện tượng về sự truyền ánh sáng, phân biệt được chùm sáng hội tụ, phân kỳ, song song...
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài: sự truyền ánh sáng.

#### II. CHUẨN BỊ:

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới bài: nhận biết ánh sáng - nguồn sáng, vật sáng.

#### III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN		HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li> <li>+ Phát biểu định luật truyền thẳng ánh sáng?</li> <li>+ Vẽ và nêu đặc điểm của chùm sáng hội tụ, phân kỳ, song song?</li> <li>Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>		<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> </ul> <p>-&gt; SGK</p> <p>-&gt; SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>	
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> <li><b>Bài 1:</b> Giải thích vì sao vào ban đêm nhìn lên bầu trời, ta thấy các vì sao có vẻ lung linh?</li> <li>- Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> <li><b>Bài 2:</b> Cho 3 cái kim. Hãy cắm chúng thẳng đứng trên một tờ giấy để trên mặt bàn. Dùng mắt ngắm để điều chỉnh cho chúng đứng thẳng hàng (không dùng thước thẳng). Nói rõ ngắm như thế nào là được và giải thích tại sao lại làm như vậy?</li> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng .</li> </ul>		<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vì sao ở rất xa trái đất, chùm ánh sáng do các vì sao hắt lại trái đất, tuy là môi trường trong suốt nhưng không còn đồng tính nữa. ánh sáng có thể bị bẻ cong. Tạo cho ta một ảo ảnh là các vì sao trông “lung linh, lấp lánh”.</li> </ul> <p><b>Trả lời:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi thứ tự 3 cây kim tính từ mắt ta trở ra là: (1); (2); (3).</li> <li>- Nếu 3 kim được xếp thẳng hàng thì kim (2) bị kim (1) che khuất; kim (3) bị kim (1) và kim (2) che khuất. Như vậy khi ngắm, ta chỉ thấy được có kim (1), vì 3 tia sáng từ 3 kim truyền đến mắt ta trùng nhau.</li> </ul>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học thuộc phần ghi nhớ.</li> <li>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.</li> <li>+ Làm thêm một số bài tập trong sách bài tập.</li> <li>+ Xem trước bài - <b>Ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng.</b></li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</li> </ul>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>		<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	
<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>			



Ngày soạn: .....

Tuần: 3

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 1: QUANG HỌC****Tiết 3: ỨNG DỤNG ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG CỦA ÁNH SÁNG****I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng về sự truyền thẳng của ánh sáng như: bóng tối, bóng nửa tối, nhật thực, nguyệt thực và một số hiện tượng ứng dụng sự truyền thẳng của ánh sáng trong thực tế...
- Khắc sâu thêm kiến thức về sự truyền thẳng của ánh sáng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới sự truyền thẳng của ánh sáng .

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li> <li>+ Thế nào bóng tối, bóng nửa tối?</li> <li>+ Khi nào có hiện tượng nhật thực, nguyệt thực xảy ra? Phân biệt vị trí mặt trời, mặt trăng, trái đất khi hiện tượng nhật thực, nguyệt thực xảy ra?</li> <li>+ Nhật thực toàn, một phần khác nhau như thế nào?</li> </ul> Tổ chức cho HS trả lời. <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	<b><u>A- Lý thuyết:</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> </ul> -> SGK  -> Mặt Trời -> Mặt Trăng -> Trái Đất thẳng hàng nhau. -> Nhật thực: Mặt Trời -> Mặt Trăng -> Trái Đất -> Nguyệt thực: Mặt Trời -> Trái Đất -> Mặt Trăng. -> Khi Mặt Trời -> Mặt Trăng -> Trái Đất thẳng hàng nhau, đứng trên Trái Đất, ở chỗ bóng tối, không nhìn Mặt Trời gọi là nhật thực toàn phần, ở chỗ bóng nửa tối, không nhìn thấy một Mặt Trời gọi là nhật thực một phần, <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> </ul> <b><u>Bài 1:</u></b> Giải thích vì sao vào các ngày nắng, một số người dù không đeo đồng hồ mà vẫn biết 12 giờ trưa? <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul>	<b><u>B- Bài tập:</u></b>  <b><u>Trả lời:</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì vào giữa trưa (12 giờ) Mặt Trời lên đến đỉnh đầu, bóng của mình sẽ ngắn nhất ( còn gọi là đứng bóng), một số người đã quan sát hiện tượng này và đoán giờ một cách chính xác.</li> </ul> <b><u>Trả lời:</u></b>

<p><b>Bài 2:</b> Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất, trung bình hết một tháng (tháng âm lịch). Theo em có phải tháng nào cũng có hiện tượng nguyệt thực không?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng .</li> </ul> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</p> <p><b>Bài 3:</b> Tại sao trong lớp học người ta không gắn 1 bóng đèn ở giữa lớp, mà gắn nhiều bóng ở nhiều vị trí khác nhau?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng .</li> </ul>	<p>-&gt; Không phải như vậy, vì quỹ đạo chuyển động của Mặt Trăng và Trái Đất hoàn toàn khác nhau.</p> <p><b>Trả lời:</b> Khi ngồi viết bài, đầu tay hay người bạn ngồi kế là một vật cản tạo ra bóng đen trên trang giấy khiến ta không nhìn thấy đường viết, để tránh tình trạng này, người ta gắn nhiều bóng đèn trong lớp học để tạo ra nhiều nguồn sáng khác nhau, tránh tình trạng trên.</p>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học thuộc phần ghi nhớ.</li> <li>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.</li> <li>+ Làm thêm một số bài tập trong sách bài tập.</li> <li>+ Xem trước bài – <b>Định luật phản xạ ánh sáng.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</li> </ul>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 4**

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 4: ĐỊNH LUẬT PHẢN XẠ ÁNH SÁNG**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng về sự phản xạ ánh sáng trong thực tế, vận dụng được lý thuyết vào vẽ các tia còn lại khi biết tia phản xạ, tia tới, giải một số bài tập liên quan đến góc tới, góc phản xạ...
- Khắc sâu thêm kiến thức về sự phản xạ của ánh sáng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới sự phản xạ ánh sáng .

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:  
 Lớp 7A3: \_\_\_\_\_ lớp 7A4: \_\_\_\_\_
2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
3. Bài mới:

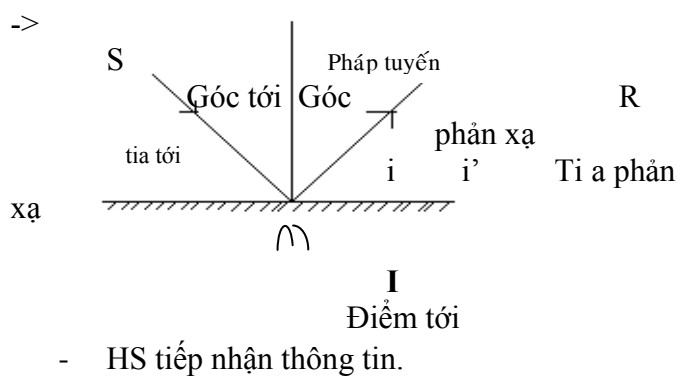
<b>TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
-------------------------------	-------------------------------

**Hoạt động 1: ôn lý thuyết < 10 phút >**

- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:
- + Thế nào hiện tượng phản xạ ánh sáng?
- + Khi nào ta khẳng định một vật là gương phẳng?
- + Hình ảnh nhìn thấy trong gương có tính chất gì?
- + Vẽ hình, ghi chú trên hình vẽ về định luật phản xạ ánh sáng?
- Tổ chức cho HS trả lời.
- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.

**A- Lý thuyết:**

- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.
- HS tham gia trả lời
- > SGK
- > Vật có bề mặt nhẵn bóng.
- > Ảnh ảo, to bằng vật.



- HS tiếp nhận thông tin.

**Hoạt động 2: Bài tập vận dụng < 30 phút >**

- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.

**Bài 1:** Cho một gương phẳng (M), tia sáng tới SI hợp với gương một góc  $\alpha = 30^\circ$ , xác định góc tới và góc phản xạ. Vẽ tia phản xạ này?

- Yêu cầu HS trả lời.
- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.

- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.

**Bài 2:** Hai tia tới và tia phản xạ hợp với nhau một góc  $120^\circ$ . Tính số đo góc tới và góc phản xạ?

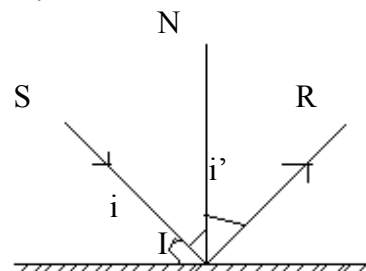
- Yêu cầu HS trả lời.
- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.

**B- Bài tập:****Trả lời:**

- Vẽ pháp tuyến IN

$$\Rightarrow \text{góc tới } i = \widehat{SIN} = 90^\circ - \alpha = 90^\circ - 30^\circ = 60^\circ$$

Áp dụng định luật phản xạ ánh sáng, ta có:  
Góc phản xạ  $i' = i = 60^\circ$ .

**Trả lời:**

- > Nếu gọi SI và IR lần lượt là tia tới và tia phản xạ, ta có  $\widehat{SIR} = 120^\circ$

Áp dụng định luật phản xạ ánh sáng ta có:

$$\widehat{SIR} = \widehat{SIN} + \widehat{NIR} \Rightarrow i + i' = 2i = 2i' = 120^\circ$$

$$\Rightarrow i = i' = 60^\circ$$

**Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. < 5 phút >**

- + Học thuộc phần ghi nhớ.
- + Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.
- + Làm thêm một số bài tập trong sách bài tập.
- + Xem trước bài – Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.

- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.

Rút kinh nghiệm sau bài dạy	Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn	Xác nhận của ban giám hiệu

Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 5**

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 5: ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG PHẪNG.**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng về sự tạo ảnh bởi gương phẳng trong thực tế, giải một số bài tập liên quan đến sự tạo ảnh bởi gương phẳng...
- Khắc sâu thêm kiến thức về sự phản xạ của ánh sáng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới sự phản xạ của ánh sáng.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li> <li>+ Nêu tính chất của ảnh tạo bởi gương phẳng?</li> <li>+ Thế nào là ảnh ảo?</li> <li>+ Nêu cách vẽ ảnh của điểm sáng S qua gương?</li> <li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	<p><b><u>A- Lý thuyết:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>-&gt; SGK (Ảnh ảo, to bằng vật, đối xứng với vật qua gương)</li> <li>-&gt; Nhìn thấy, nhưng không hứng được trên màn chắn.</li> <li>-&gt; Cách hay nhất là dùng phương pháp đối xứng: Hạ SH <math>\perp</math> gương và kéo dài một đoạn HS' = HS. S' là ảnh ảo của S qua gương.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> <li><b><u>Bài 1:</u></b> Một vật sáng AB nằm trước gương phẳng. Xác định ảnh của vật sáng này trong hai trường hợp sau: a) Vật sáng song song với gương</li> <li>b) Vật sáng hợp với gương một góc <math>\alpha = 45^\circ</math></li> </ul>	<p><b><u>B- Bài tập:</u></b></p> <p><b><u>Trả lời:</u></b> a)</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p>b)</p> <div style="text-align: center;"> </div>

<p>- yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất. - Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b><u>Bài 2:</u></b> Một cây cao 3,2m mọc ở bờ ao. Bờ ao cao hơn mặt nước 0,4m. Hỏi ảnh của ngọn cây ở cách mặt nước bao nhiêu ?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	$\alpha = 45^\circ$ $45^\circ$ <p>A'                      B'</p> <p><b><u>Trả lời:</u></b> Ngọn cây cách mặt nước: <math>l = 3,2 + 0,4 = 3,6</math> (m) Vậy ảnh của ngọn cây cũng cách mặt nước một đoạn là: <math>l = 3,6</math>m</p>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<p>+ Học thuộc phần ghi nhớ. + Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Làm thêm một số bài tập trong sách bài tập. + Xem trước bài – <b>Thực hành quan sát và vẽ ảnh của vật cho bởi gương phẳng.</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....

Tuần: 6

Ngày dạy: .....

### Chủ đề 1: QUANG HỌC

#### Tiết 6: THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ VẼ ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG PHẪNG.

##### I. MỤC TIÊU:

- Hiểu rõ vùng nhìn thấy của gương phẳng...
- Khắc sâu thêm kiến thức về sự phản xạ của ánh sáng, rèn luyện kỹ năng vẽ các tia sáng, ảnh tạo bởi gương phẳng cho học sinh.

##### II. CHUẨN BỊ:

- Hệ thống bài tập câu hỏi liên quan tới sự phản xạ của ánh sáng, ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.

##### III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1. Ổn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

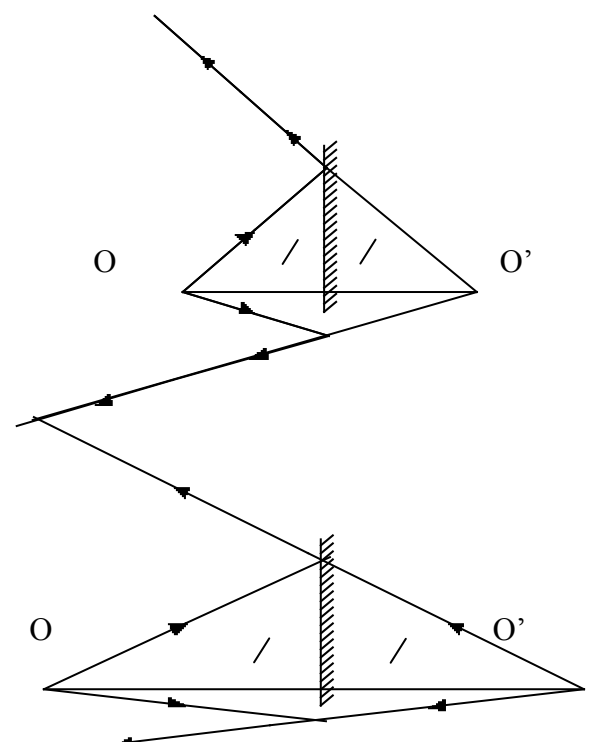
lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN

HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH



<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li> <li>+ Nêu tính chất của ảnh tạo bởi gương phẳng?</li> <li>+ Thế nào là vùng nhìn thấy của gương phẳng?</li>   <li>+ Nêu cách vẽ ảnh của điểm sáng S, vật sáng AB qua gương?</li>   <li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> </ul> <p>-&gt; SGK (Ảnh ảo, to bằng vật, đối xứng với vật qua gương)</p> <p>-&gt; Vùng nhìn thấy của gương phẳng là một khoảng không gian chứa các vật, mà ảnh của nó được nhìn thấy trong gương.</p> <p>-&gt; Cách hay nhất là dùng phương pháp đối xứng: Hạ SH <math>\perp</math> gương và kéo dài một đoạn HS' = HS. S' là ảnh ảo của S qua gương; Hoặc hạ AI (BK) <math>\perp</math> với gương, kéo dài AI (BK) một đoạn IA' (KB') đối xứng nhau qua gương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> </ul> <p><b>Bài 1:</b> Vùng nhìn thấy của gương phẳng sẽ thay đổi ra sao nếu mắt được đặt gần gương và xa gương? Vẽ hình minh họa?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b> Có thể nhìn thấy trong một gương phẳng có kích thước bé mà thấy được ảnh toàn thể của một toà nhà lớn hay không?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</li> </ul>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b> Mắt càng đặt gần gương thì vùng nhìn thấy của gương càng lớn, nếu đưa mắt từ từ ra xa gương, vùng nhìn thấy này sẽ bé dần.</p>  <p><b>Trả lời:</b> Muốn nhìn thấy được ảnh của toàn bộ toà nhà lớn, thì toà nhà đó phải nằm trong vùng nhìn thấy của gương. Muốn vậy mắt phải đặt sát với gương nói trên.</p>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</li> </ul>

+ Xem trước bài – <b>Gương cầu lồi.</b>		
Rút kinh nghiệm sau bài dạy	Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn	Xác nhận của ban giám hiệu



Ngày soạn: .....

**Tuần: 7**

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 7: GƯƠNG CẦU LÒI**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ vùng nhìn thấy của gương cầu lồi, so sánh vùng nhìn thấy của gương phẳng với vùng nhìn thấy của gương cầu lồi cùng kích thước, xác định được ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi.
- Khắc sâu thêm kiến thức về gương cầu lồi, biết được ứng dụng của gương cầu lồi trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới gương cầu lồi.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:  
     Lớp 7A3: .....                      lớp 7A4: .....
2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</li> <li>+ Nêu tính chất của ảnh tạo bởi gương cầu lồi?</li> <li>+ So sánh vùng nhìn thấy của gương cầu lồi với vùng nhìn thấy của gương phẳng cùng kích thước?</li> <li>+ Nêu cách vẽ ảnh của điểm sáng S qua gương cầu lồi?</li>   <li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>-&gt; SGK (Ảnh ảo, nhỏ hơn vật )</li>   <li>-&gt; Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi lớn hơn nhiều so với vùng nhìn thấy của gương phẳng cùng kích thước.</li>   <li>-&gt; Mỗi diện tích nhỏ trên gương cầu lồi có thể xem như một gương phẳng nhỏ đặt ở đó. Vì vậy ta áp dụng định luật phản xạ ánh sáng cho mỗi gương phẳng đó để xác định ảnh của một điểm sáng S qua gương cầu lồi.</li> <li style="padding-left: 20px;">- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin</li> </ul>	<b>B- Bài tập:</b>

<p>tin bài 1.</p> <p><b>Bài 1:</b> Gương cầu lồi cho ảnh như thế nào? Vị trí của ảnh và của vật so với gương ra sao?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b>Bài 2:</b> Với một gương cầu lồi, nếu ta chiếu một chùm tia tới bất kỳ vào gương thì chùm tia phản xạ sẽ là chùm tia gì? Tại sao?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</p> <p><b>Bài 3:</b> Theo em bề rộng vùng nhìn thấy của gương cầu lồi phụ thuộc vào những yếu tố nào? Tại sao?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	<p><b>Trả lời:</b>                  Một vật thật đứng trước gương cầu lồi luôn cho ảnh ảo nhỏ hơn vật. khoảng cách từ ảnh tới gương bao giờ cũng nhỏ hơn khoảng cách từ vật tới gương</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b>                  Vì gương cầu lồi luôn cho ảnh ảo. Do vậy chùm tia phản xạ của gương cầu lồi bao giờ cũng là chùm tia phân kỳ.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b>                  Bề rộng vùng nhìn thấy của gương cầu lồi phụ thuộc vào hai yếu tố sau:                  * Kích thước của gương càng lớn thì bề rộng vùng nhìn thấy càng lớn.                  * Vị trí đặt mắt càng gần gương thì bề rộng vùng nhìn thấy của gương càng lớn và ngược lại.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<p><b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b></p>		
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.                  + Xem trước bài – <b>Gương cầu lõm.</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>	
<p><b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b></p>	<p><b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b></p>	<p><b>Xác nhận của ban giám hiệu</b></p>
<p> </p>	<p> </p>	<p> </p>



Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 8**

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 8: GƯƠNG CẦU LỒM**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ: đối với gương cầu lõm, tùy vị trí của vật mà ta nhìn thấy được ảnh ảo của vật ở trong gương. Xác định được tia phản xạ của các tia sáng đặc biệt qua gương cầu lõm.
- Khắc sâu thêm kiến thức về gương cầu lõm, biết được ứng dụng của gương cầu lõm trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới gương cầu lõm.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

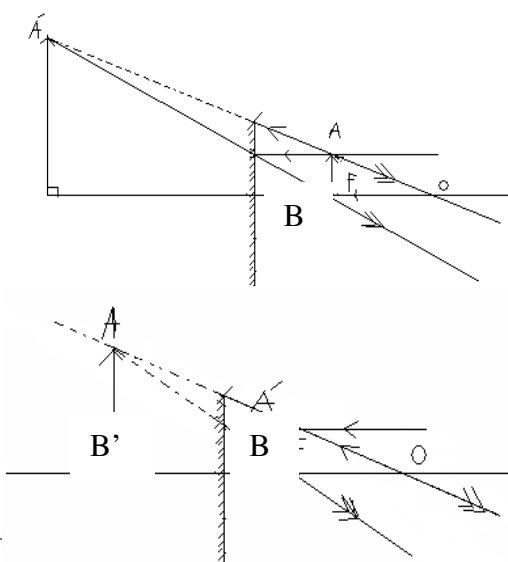
1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</p> <p>+ Nêu tính chất của ảnh tạo bởi gương cầu lõm?</p> <p>+ Gương cầu lõm có tác dụng gì khi chiếu chùm tia sáng tới song song và phân kỳ tới gương?</p> <p>+ Khi nào gương cầu lõm cho ảnh thật?</p> <p>+ Các tia sáng tới đặc biệt cho tia phản xạ qua gương cầu lõm như thế nào?</p> <p>- Tổ chức cho HS trả lời.</p> <p>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>-&gt; SGK ( Tùy theo vị trí của vật đối với gương, nhưng phần lớn là ảnh ảo, lớn hơn vật )</p> <p>-&gt; SGK.</p> <p>-&gt; Di chuyển vật trước gương cầu lõm cho tới khi không nhìn thấy ảnh ảo trên gương nữa, lúc này gương cầu lõm cho ảnh thật nằm trước gương.</p> <p>-&gt; * Tia sáng song song với trục gương, tia phản xạ đi qua tiêu điểm F.</p> <p>* Tia sáng qua tiêu điểm F của gương, tia phản xạ song song với trục gương.</p> <p>* Tia sáng đi qua quang tâm O của gương, tia phản xạ quay đầu về theo chiều cũ.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</p> <p><b>Bài 1:</b> Cho một gương cầu lõm và một vật sáng. Ban đầu vật sáng được đặt tại vị trí sao cho ta bắt đầu quan sát được ảnh ảo trong gương. Từ từ đưa vật vào sát gương thì độ lớn của ảnh thay đổi như thế nào? Quan sát trực tiếp trên gương và kiểm tra bằng hình vẽ?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b>Bài 2:</b> So sánh sự tạo ảnh của gương cầu lồi và gương cầu lõm?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>* quan sát trực tiếp trên gương cầu lõm ta sẽ thấy ảnh ban đầu rất lớn, sau đó sẽ giảm dần theo khoảng cách từ vật đến gương.</p> <p>* Kiểm tra bằng hình vẽ:</p>  <p>- F</p> <p><b>Tr</b></p> <p>* Giống nhau: Ảnh ảo cùng chiều với vật</p>

- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.	* Khác nhau: + <b>Giương cầu lõm:</b> --Ảnh ảo luôn nhỏ hơn vật. + <b>Giương cầu lồi:</b> --Ảnh ảo luôn lớn hơn vật. --Ngoài ảnh ảo, gương cầu lồi còn cho ảnh thật ngược chiều với vật. Độ lớn của ảnh tùy thuộc vào vị trí của vật đối với gương. - HS tiếp nhận thông tin.	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
+ Làm nốt các bài tập còn lại. + Xem trước bài – <b>Ôn tập</b>	- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 9**

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 9: ÔN TẬP CHƯƠNG: QUANG HỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

- Củng cố, hệ thống lại toàn bộ kiến thức về lý thuyết và biết vận dụng lý thuyết vào giải bài tập trong chương, rèn luyện kỹ năng giải thích các hiện tượng Vật lý trong đời sống.
- Khắc sâu thêm kiến thức về quang học, vận dụng các kiến thức quang học để giải thích các hiện tượng có liên quan trong thực tế như: nhật thực, nguyệt thực, ngắm hàng thẳng, quan sát ảnh của vật trong các loại gương...

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới chương quang học.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3: lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 25 phút &gt;</b>	
- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của chương bằng các câu hỏi: + Ta nhận biết được ánh sáng khi nào? + Ta nhìn thấy được một vật khi nào? + Nguồn sáng là gì? Thế nào là vật sáng, lấy ví dụ?	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> </ul> <p>-&gt; Khi có ánh sáng truyền vào mắt ta.</p> <p>-&gt; Khi ánh sáng truyền từ vật đó vào mắt ta.</p> <p>-&gt; -- Nguồn sáng là vật tự phát ra ánh sáng; ví dụ: Mặt trời, Đom đóm, ngọn nến...</p> <p>-- Vật sáng bao gồm nguồn sáng và vật hắt lại ánh sáng chiếu vào</p>

<p>+ Phát biểu định luật truyền thẳng của ánh sáng?                  + Nêu cách biểu diễn đường truyền của ánh sáng?                  + Thế nào là vùng bóng tối bóng nửa tối?</p> <p>+ Khi nào có hiện tượng nhật thực, nguyệt thực xảy ra? Nhật thực, nguyệt thực là gì?                  + Phát biểu định luật phản xạ ánh sáng?</p> <p>+ Nêu tính chất tạo ảnh bởi gương phẳng, gương cầu lõm, gương cầu lồi và ứng dụng của chúng?</p> <p>- Tổ chức cho HS trả lời.                  - GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p>nó; ví dụ: mọi vật dưới ánh sáng ban ngày...                  -&gt; Trong môi trường trong suốt và đồng tính, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng.</p> <p>-&gt; Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một đường thẳng có hướng gọi là tia sáng. <span style="float: right;">—————→</span></p> <p>-&gt; -- Vùng bóng tối nằm ở phía sau vật cản và không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới, còn gọi là bóng đen.                  -- Bóng nửa tối nằm ở phía sau vật cản và nhận được ánh sáng từ một phần của nguồn sáng truyền tới, còn gọi là bóng mờ hay bán dạ.</p> <p>-&gt; --Mặt Trời -&gt; Mặt Trăng -&gt; Trái Đất thẳng hàng nhau.                  -- Nhật thực là hiện tượng Trái Đất đi vào vùng bóng tối của Mặt Trăng. (<b>Mặt Trời -&gt; Mặt Trăng -&gt; Trái Đất</b>)                  -- Nguyệt thực là hiện tượng Mặt Trăng đi vào vùng bóng tối của Trái Đất (<b>Mặt Trời -&gt; Trái Đất -&gt; Mặt Trăng</b>).</p> <p>-&gt; -- Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và pháp tuyến tại điểm tới                  -- Góc phản xạ bằng góc tới. (<math>i' = i</math>)                  -&gt; * Tính chất tạo ảnh:                  -- Gương phẳng: Ảnh ảo, ở sau gương và bằng vật; ảnh và vật đối xứng nhau qua gương.                  -- Gương cầu lồi: luôn cho ảnh ảo cùng chiều và nhỏ hơn vật.                  -- Gương cầu lõm: vật ở gần gương cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật; di chuyển vật ra xa gương, đến một vị trí nào đó cho ảnh thật ở trước gương, ngược chiều với vật, độ lớn của ảnh tùy thuộc vào vị trí của vật.                  * Ứng dụng: -- Gương phẳng: gương soi, kính tiềm vọng, thay đổi đường truyền của ánh sáng.                  -- Gương cầu lồi: kính chiếu hậu.                  - HS tiếp nhận thông tin.</p>
--	--

**Hoạt động 2: Bài tập vận dụng < 15 phút >**

<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài tập sau:  <b>Bài tập:</b> Chiếu một tia sáng tới đến một gương phẳng. Biết tia tới có góc tới là <math>i = 60^\circ</math>. hãy tính góc hợp bởi tia tới và tia phản xạ?                  - yêu cầu HS trả lời.                  - GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b>  <b>Trả lời:</b>                  - Góc tới là <math>60^\circ</math> thì góc phản xạ cũng là <math>60^\circ</math> vì theo định luật phản xạ ánh sáng thì:  <math>i' = i = 60^\circ</math>. Vậy góc hợp bởi tia tới và tia phản xạ là: <math>i' + i = 60^\circ + 60^\circ = 120^\circ</math>.                  - HS tiếp nhận thông tin.</p>
--	--

**Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. < 5 phút >**

<p>+ Làm nốt các bài tập còn lại.                  + Tiết sau kiểm tra 1 tiết.</p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>
--	--------------------------------------

Rút kinh nghiệm sau bài dạy	Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn	Xác nhận của ban giám hiệu

Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 10**

**Chủ đề 1: QUANG HỌC**

**Tiết 9: KIỂM TRA CHƯƠNG: QUANG HỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức học sinh đã học trong chương I về Quang học.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng tư duy của học sinh, khả năng khái quát và tính toán, ghi nhớ của học sinh.

**3. Thái độ:**

- Trung thực, nghiêm túc trong giờ kiểm tra.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: - Đề + đáp án bài kiểm tra.

- HS: - Ôn tập kiến thức cũ.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

**ĐỀ BÀI KIỂM TRA**

Họ và tên :.....

**KIỂM TRA 45 PHÚT**

Lớp : 7

**Tự chọn: VẬT LÝ 7.**

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét của Giáo Viên</u>
-------------	-------------------------------

**I) Trắc nghiệm : ( 5.0 Điểm )**

***I : ( 2.0 Điểm ) Khoanh tròn vào câu cho là đúng***

1/ Trong những vật sau đây, vật nào xem là vật trong suốt:

- a) Tấm nhựa trắng.     b) Tấm gỗ.     c) Tấm bìa cứng.     d) Nước nguyên chất.

2/ Chùm sáng phát ra từ đèn pin là chùm sáng:

- a) Chùm hội tụ ;    b) Chùm phân kỳ  
c) Chùm song song ;                                      d) Cả a,b,c

3 / Gương cho ảnh ảo có độ lớn bằng vật:

- a) Gương phẳng    b) Gương cầu lồi  
c) Gương cầu lõm                                      d) Cả a; b; c

4/ Gương cầu lõm thường được ứng dụng

- a) Làm choá đèn pha xe ô tô ;    b) Tập trung năng lượng mặt trời  
c) Đèn chiếu dùng khám bệnh tai;                                      d) Cả 3 ứng dụng

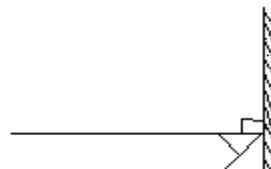
***II: ( 3.0 Điểm ) Điền từ thích hợp vào chỗ trống.***

1. Ánh sáng truyền theo đường thẳng trong môi trường .....
2. Hiện tượng trái đất đi vào vùng bóng tối của mặt trăng gọi là ..... 3.  
..... nằm sau vật cản nhận được một phần ánh sáng từ nguồn chiếu tới.
4. Ảnh tạo bởi gương phẳng có độ lớn nhỏ hơn ảnh tạo bởi .....
5. Nguồn sáng là vật ....., vật sáng là vật .....

**III Tự luận 5.0 điểm**

**Câu 1 2.0 điểm**

- a/ Phát biểu định luật phản xạ ánh sáng?  
b/ Vẽ tia phản xạ trong các trường hợp sau?  
c/ Xác định độ lớn góc phản xạ, góc tới?





$35^{\circ}$  $45^{\circ}$ Hình aHình b

**Câu 2 :** (1.5 điểm) Khi xếp hàng vào lớp muốn biết mình xếp thẳng hàng hay chưa em làm như thế nào? Giải thích cách làm của em?

**Câu 3:** (1.5 điểm) Tại sao khi lắp kính chiếu hậu cho ô tô xe máy ta dùng gương cầu lồi mà không dùng gương phẳng?

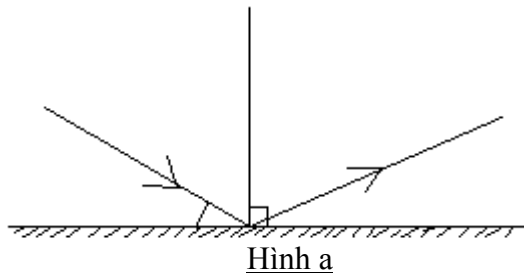
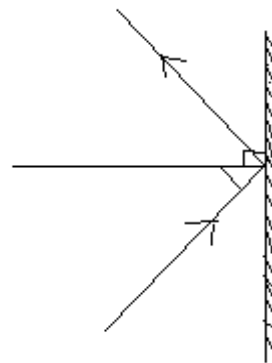
**ĐÁP ÁN:****KIỂM TRA 45 PHÚT****Tự chọn: VẬT LÝ 7.****I. Trắc nghiệm:**

**Câu 1:** 2 điểm. ( Mỗi câu đúng 0,5 điểm)

1. d;      2. b;      3. a;      4. d

**Câu 2:** 2 điểm. ( Mỗi từ điền đúng 0,5 điểm)

- |   |                  |
|---|------------------|
| a. Trong suốt đồng tính   | b. Nhật thực     |
| c. Bóng nửa tối   | d. Gương cầu lõm |
| e. tự phát ra ánh sáng; hắt lại ánh sáng từ nguồn sáng chiếu vào nó |                  |

**II. Tự Luận:****Câu 1**Hình aHình b

- a/ Phát biểu đúng định luật phản xạ ánh sáng. 1,0 đ  
 b/ Vẽ đúng tia phản xạ như hình vẽ. 1,0 đ  
 c/ - Xác định đúng độ lớn góc tới, góc phản xạ:  $i = i' = 55^{\circ}$ . 0,5 đ  
 - Xác định đúng độ lớn góc phản xạ.  $i' = 45^{\circ}$  0,5 đ

**Câu 2** (1.5 điểm)

- Khi xếp hàng vào lớp muốn biết mình xếp thẳng hàng hay chưa em nhìn thẳng bạn đứng ở trước mà không thấy bạn đứng đầu hàng.
- Vì ánh sáng từ bạn đầu hàng truyền đến mắt theo đường thẳng bị bạn đứng trước che khuất.



**Câu 3:** (1.5 điểm) Vì vùng nhìn thấy của gương cầu lõm rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng, nên khi lắp vào gương chiếu hậu cho ô tô, xe máy giúp người lái xe quan sát được ở sau xe một khoảng rộng hơn dùng gương phẳng.

Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

Tuần: 11

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**

**Tiết 11: NGUỒN ÂM**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ đặc điểm của nguồn âm, nguyên tắc hoạt động của một số nguồn âm.
- Khắc sâu thêm kiến thức về nguồn âm trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới nguồn âm.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:  + Nêu đặc điểm của nguồn âm? + Nguồn âm có đặc điểm gì khi hoạt động? + Thế nào gọi là dao động? - Tổ chức cho HS trả lời. - GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.	<b><u>A- Lý thuyết:</u></b> - Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV. - HS tham gia trả lời. -> Những vật phát ra âm gọi là nguồn âm. -> Các vật phát ra âm đều giao động. -> Sự di chuyển của một vật quanh một vị trí được gọi là dao động.  - HS tiếp nhận thông tin.
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1. <b><u>Bài 1:</u></b> Khi bay, hầu như côn trùng nào	<b><u>B- Bài tập:</u></b> <b><u>Trả lời:</u></b> Khi bay, tác động vỗ cánh là hiển nhiên có ở mỗi

<p>cũng phát ra âm thanh? Tại sao lại như thế? Cái gì đã tạo ra âm đó?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul> <p><b><u>Bài 2:</u></b> Khi kiểm tra những chi tiết máy vừa mới sản xuất xong, người thợ cơ khí thường hay dùng búa gõ vào những chi tiết máy này? Tại sao họ phải làm như vậy?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 5', sau đó trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</li> </ul> <p><b><u>Bài 3:</u></b>          Khi huýt gió, cái gì đã phát ra âm thanh?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</li> </ul>	<p>côn trùng. Chính sự dao động của màng cánh này đã phát ra âm thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p><b><u>Trả lời:</u></b>          Khi gõ búa vào các chi tiết máy vừa mới sản xuất, các chi tiết này dao động và phát ra âm. Nếu chi tiết tốt thì phát ra âm thanh trong, còn nếu như bị rạn nứt thì âm thanh phát ra sẽ bị rè. Chính vì vậy, người thợ cơ khí mới dùng phương pháp này để kiểm tra bước đầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p><b><u>Trả lời:</u></b>          Khi huýt gió không khí ở gần miệng dao động và phát ra âm thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.</li> <li>+ Xem trước bài – <b>ĐỘ CAO CỦA ÂM</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</li> </ul>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....  
 Ngày dạy: .....

**Tuần: 12**

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**

**Tiết 12: ĐỘ CAO CỦA ÂM**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ thế nào là một dao động, tần số dao động, đơn vị dao động, âm cao hay thấp phụ thuộc vào tần số dao động lớn hay nhỏ, thế nào là hạ âm, siêu âm, tai ta nghe được âm ở khoảng tần số nào?
- Khắc sâu thêm kiến thức về độ cao của âm trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới nguồn âm.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</p> <p>+ Thế nào là 1 dao động?</p> <p>+ Tần số là gì?</p> <p>+ Âm phát ra cao hay thấp phụ thuộc như thế nào vào tần số dao động?</p> <p>+ Thế nào hạ âm, siêu âm?</p> <p>- Tổ chức cho HS trả lời.</p> <p>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>-&gt; Sự di chuyển của một vật quanh một vị trí cố định sau 1 lần qua, lại được gọi là 1 dao động.</p> <p>-&gt; Số dao động trong 1 giây gọi là tần số của dao động đó.</p> <p>-&gt; Âm phát ra càng cao khi tần số dao động càng lớn và ngược lại .</p> <p>-&gt; + Các âm có tần số &lt; 20Hz gọi là hạ âm + Các âm có tần số &gt; 20000 Hz gọi là siêu âm</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</p> <p><b>Bài 1:</b> trong ký xướng âm có 7 nốt nhạc: đô, rê, mi, pha, son, la, si. Hãy so sánh tần số dao động của chúng. Nốt nhạc nào cao nhất, thấp nhất?</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b>Bài 2:</b> Một vật dao động phát ra âm có tần số dao động 50Hz, một khác dao động phát ra âm có tần số 70Hz, hỏi vật nào dao động nhanh hơn?</p> <p>- Yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</p> <p><b>Bài 3:</b> Khi bay, nhiều con vật vỗ cánh phát ra âm. Con muỗi thường phát ra âm cao hơn con ong đất, trong hai côn trùng này con nào vỗ cánh nhiều hơn?</p> <p>- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 5', sau đó trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b> Bảy nốt nhạc: đô, rê, mi, pha, son, la, si, đã được sắp xếp theo thứ tự từ âm thấp nhất đến âm cao nhất. Như vậy tần số dao động của chúng cũng được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b> - Vật dao động với tần số 70Hz, tức là nó thực hiện được 70 dao động trong 1 giây. - Vật dao động với tần số 50Hz, tức là nó thực hiện được 50 dao động trong 1 giây. * Vậy vật dao động với tần số 70Hz, dao động nhanh hơn vật dao động với tần số 50Hz.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b> Âm phát ra từ muỗi cao hơn từ ong đất. Như vậy tần số vỗ cánh của muỗi sẽ cao hơn của ong đất. Do vậy khi bay, muỗi đã vỗ cánh nhiều hơn ong đất.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>	
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn</p>	

lại, chưa làm xong ở lớp. + Xem trước bài – <b>Độ to của âm</b> .		- Ghi nhớ phân dãn dò của GV.
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>

-----  -----

Ngày soạn: .....

Tuần: 13

Ngày dạy: .....

### *Chủ đề 2: ÂM HỌC*

#### *Tiết 13: ĐỘ TO CỦA ÂM*

#### **I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ thế nào là biên độ dao động, âm to hay nhỏ phụ thuộc vào biên độ dao động mạnh hay yếu, tai ta nghe được âm ở khoảng biên độ nào? Thế nào là ngưỡng đau của tai?
- Khắc sâu thêm kiến thức về độ to của âm trong thực tế.

#### **II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới nguồn âm.

#### **III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

Lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</p> <p>+ So sánh âm phát ra khi vật dao động mạnh, yếu?</p> <p>+ Biên độ dao động là gì?</p> <p>+ Độ to của âm được tính bằng đơn</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>-&gt; Khi vật dao động mạnh thì âm phát ra to hơn, khi vật dao động yếu thì âm phát ra nhỏ hơn.</p> <p>-&gt; Độ lệch lớn nhất so với vị trí cân bằng được gọi là biên độ dao động của vật.</p> <p>-&gt;Đêxiben ( kí hiệu là dB) .</p>

<p>vì gì? + Tai ta nghe được âm ở mức độ trung bình là bao nhiêu dB? Thế nào là ngưỡng đau?  - Tổ chức cho HS trả lời. - GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p>-&gt; + Tai ta nghe được âm ở mức độ trung bình là 70dB. + Khi độ to của âm ở mức độ 130 dB tai nghe bắt đầu bị đau - mức độ đó được gọi là ngưỡng đau. - HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<p><b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b></p>		
<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1. <b>Bài 1:</b> Khi gảy mạnh một dây đàn, tiếng đàn sẽ phát ra to hay nhỏ? Tại sao? - yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất. - Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2. <b>Bài 2:</b> Khi thổi kèn, muốn cho kèn kêu to ta phải làm gì? Tại sao lại như vậy? - Yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng. - Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3. <b>Bài 3:</b> Tại sao người ta nói “ giọng nam thì ô ô khó nghe, còn giọng nữ thì nhỏ nhẹ dễ nghe”?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 5’, sau đó trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	<p><b><u>B- Bài tập:</u></b> <b><u>Trả lời:</u></b> Khi ta gảy mạnh một dây đàn, biên độ dao động của dây sẽ lớn, do đó tiếng đàn phát ra sẽ to.  - HS tiếp nhận thông tin.  <b><u>Trả lời:</u></b> + Khi thổi kèn, muốn cho kèn kêu to ta phải thổi thật mạnh. + Thổi mạnh, không khí trong kèn sẽ dao động mạnh, biên độ dao động của nó sẽ lớn nên âm phát ra to. - HS tiếp nhận thông tin.  <b><u>Trả lời:</u></b> Giọng nam thì trầm còn giọng nữ thì bổng, mà tai ta thì có đặc điểm nghe âm cao thích hơn nghe âm thấp. Chính vì vậy mà ở cùng một mức độ âm như nhau thì giọng nữ nghe dễ hơn giọng nam. Đó cũng là nguyên do các đài phát thanh, truyền hình thường chọn phát thanh viên là nữ. - HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<p><b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b></p>		
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Xem trước bài – <b>Môi trường truyền âm .</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>	
<p><b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b></p>	<p><b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b></p>	<p><b>Xác nhận của ban giám hiệu</b></p>
<p> </p>	<p> </p>	<p> </p>



Ngày soạn: .....  
Ngày dạy: .....

Tuần: 14

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**

**Tiết 14: MÔI TRƯỜNG TRUYỀN ÂM****I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ những môi trường nào truyền được âm? Môi trường truyền âm ảnh hưởng đến vận tốc truyền âm như thế nào?
- Khắc sâu thêm kiến thức về môi trường truyền âm trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới nguồn âm.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sắp xếp môi trường truyền âm theo thứ tự từ giảm dần trở xuống?</li> <li>+ Môi trường nào không truyền được âm? Vì sao?</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	<p><b><u>A- Lý thuyết:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>-&gt; Môi trường truyền âm tốt nhất là chất rắn&gt; lỏng&gt; khí.</li> <li>-&gt; Môi trường chân không không truyền được âm. Vì môi trường chân không có hạt dao động, nên âm không thể truyền được trong môi trường này.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> <li><b><u>Bài 1:</u></b> Điền từ thích hợp vào chỗ trống? <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Môi trường chân không là môi trường mà trong đó ... không khí nữa?</li> <li>2. Âm thanh truyền tốt trong các môi trường theo thứ tự ..... Như sau: chất khí, chất lỏng, chất rắn?</li> <li>3. Âm truyền đi có mang theo năng lượng, chính vì vậy mà âm được hấp thụ dần. ở các vị trí càng ... nguồn âm, thì âm nghe càng.... Và từ từ ...</li> </ol> </li> <li>- yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> <li><b><u>Bài 2:</u></b> Vận tốc của viên đạn súng trường là 900m/s. Nếu ở ngoài mặt trận, các chiến sĩ thấy tiếng đạn nổ thì đã “an toàn” chưa?</li> <li>- Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</li> </ul>	<p><b><u>B- Bài tập:</u></b></p> <p><b><u>Trả lời:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-&gt; không có.</li> <li>-&gt; tăng dần</li> <li>-&gt; xa; nhỏ; tắt dần.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p><b><u>Trả lời:</u></b></p> <p>Vận tốc viên đạn là 900m/s, vận tốc âm thanh trong không khí là 340m/s. Như vậy viên đạn đã bay trước âm thanh. Do đó, nếu ngoài mặt trận, ta nghe thấy tiếng đạn nổ thì đạn đã “bay qua” ta rồi! Tức</p>

<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3. <b>Bài 3:</b> Tại sao một máy bay chiến đấu phản lực bay ngang qua bầu trời, ta nghe thấy tiếng rít? - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 5', sau đó trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>		<p>là ta đã “an toàn” - HS tiếp nhận thông tin.  <b>Trả lời:</b> Máy bay chiến đấu phản lực chuyển động với vận tốc lớn hơn vận tốc âm thanh trong không khí (vượt tường âm thanh), khi bay nó làm không khí dao động với tần số lớn (âm cao), tạo ra tiếng rít - HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Xem trước bài – <b>Phản xạ âm - Tiếng vang.</b></p>		<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....  
Ngày dạy: .....

Tuần: 15

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**

**Tiết 15: PHẢN XẠ ÂM - TIẾNG VANG**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ khi nào có âm phản xạ, có tiếng vang, hiểu sâu sắc tính chất phản xạ và hấp thụ âm của các vật? Có biện pháp chống tiếng ồn?
- Khắc sâu thêm kiến thức về phản xạ âm - Tiếng vang trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới phản xạ âm - Tiếng vang.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:  + Khi nào có sự phản xạ âm?  + Khi nào có tiếng vang?</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b> - Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV. - HS tham gia trả lời. -&gt; Khi trên đường truyền âm gặp mặt chắn bị dội lại gọi là âm phản xạ. -&gt; Âm phản xạ nghe được cách âm trực tiếp ít nhất 1/15 giây gọi là tiếng vang.</p>



<p>+ Những vật như thế nào thì phản xạ âm tốt, kém, hấp thụ âm tốt, kém?</p> <p>- Tổ chức cho HS trả lời. - GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p>-&gt; - Những vật cứng, có bề mặt nhẵn thì phản xạ âm tốt, hấp thụ âm kém. - Những vật mềm, xốp, có bề mặt gồ ghề thì phản xạ âm kém, hấp thụ âm tốt. - HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>		
<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1. <b><u>Bài 1:</u></b> Tại sao khi nói chuyện với nhau ở gần mặt ao, hồ, tiếng nói nghe rất rõ? - yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất. - Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2. <b><u>Bài 2:</u></b> Tại sao ở độ cao 3000m so với mặt đất không thể nghe được một âm nào phát ra từ dưới mặt đất? - Yêu cầu HS trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng. - Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3. <b><u>Bài 3:</u></b> Em hãy tính khoảng cách ngắn nhất từ em đến bức tường để khi nói thì thu được tiếng vang?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 5', sau đó trả lời. - GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p>	<p><b><u>B- Bài tập:</u></b> <b><u>Trả lời:</u></b> Mặt nước cũng là vật phản xạ âm tốt. Chính vì thế khi ta nói chuyện ở gần mặt ao hồ, âm phản xạ kết hợp với âm nghe trực tiếp làm độ to của âm được tăng lên, nên nghe rất rõ.  - HS tiếp nhận thông tin.  <b><u>Trả lời:</u></b> Ở độ cao 3000m, không khí bắt đầu bị loãng, âm bị phản xạ và quay trở về mặt đất.  - HS tiếp nhận thông tin.  <b><u>Trả lời:</u></b> Gọi l là khoảng cách từ người đến bức tường. Âm đi từ ta đến bức tường rồi lại phản xạ về ta, tức là âm đã đi được quãng đường là 2l. Thời gian giữa âm nghe trực tiếp và âm nghe phản xạ để có tiếng vang là <math>\frac{1}{15} s</math>. Ta có <math>2.l = 340 \cdot \frac{1}{15}</math> <math display="block">\frac{1}{15} \Rightarrow l = \frac{340}{30}</math><math display="block">= 11,3 \text{ (m)}. \text{ Vậy muốn có tiếng vang, ta phải đứng cách tường } 11,3\text{m.}</math> - HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Xem trước bài – <b>Chống ô nhiễm tiếng ồn.</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....

Tuần: 16

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**



**Tiết 16: CHỐNG Ô NHIỄM TIẾNG ỒN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ ô nhiễm tiếng ồn ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe và hoạt động của con người? Có biện pháp chống tiếng ồn?
- Khắc sâu thêm kiến thức về ô nhiễm tiếng ồn trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới ô nhiễm tiếng ồn.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Thế nào là ô nhiễm tiếng ồn?</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Giới hạn về mức ô nhiễm tiếng ồn là bao nhiêu?</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Làm thế nào để chống ô nhiễm tiếng ồn?</p> <p>- Tổ chức cho HS trả lời.</p> <p>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>-&gt; Khi tiếng ồn to, kéo dài gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và hoạt bình thường của con người.</p> <p>-&gt; Độ to của âm ở mức 70dB.</p> <p>-&gt; - Giảm độ to của tiếng ồn phát ra.</p> <p>- Ngăn cản đường truyền âm.</p> <p>- Phân tán âm trên đường truyền</p> <p>- Dùng vật liệu cách âm ...</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</p> <p><b><u>Bài 1:</u></b> Vật liệu cách âm là những vật liệu nào? Là vật liệu phản xạ âm tốt hay phản xạ âm kém.</p> <p>- yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b><u>Bài 2:</u></b> Tại sao khi áp vào tường, ta có thể nghe được tiếng cười, nói ở phòng bên cạnh, còn không áp tai thì không nghe được?</p> <p>- Yêu cầu HS trả lời.</p> <p>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 3.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b><u>Trả lời:</u></b> Vật liệu cách âm rất đa dạng. Tùy vị trí, tùy quy cách thiết kế mà vật liệu cách âm có thể là vật liệu phản xạ âm tốt (không cho âm truyền qua), phản xạ âm kém( hấp thụ âm tốt, giữ âm lại, không cho âm truyền qua).</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b><u>Trả lời:</u></b> Tường phản xạ âm tốt, nó là vật liệu cách âm, không cho âm truyền qua nó, nhưng tường cũng là môi trường truyền âm tốt. Chính vì vậy, nếu áp sát tai vào tường, ta vẫn có thể nghe được âm ở phòng bậ cạnh.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>	
<p>+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.</p> <p>+ Xem trước bài – <b>Tổng kết chương 2</b></p>	<p>- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.</p>

<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>



Ngày soạn: .....

Tuần: 17

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 2: ÂM HỌC****Tiết 17: TỔNG KẾT CHƯƠNG II: ÂM HỌC****I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu rõ các đặc điểm của nguồn âm, môi trường truyền âm, các khái niệm về dao động, tần số, biên độ, phản xạ âm, tiếng vang, hạ âm, siêu âm, ô nhiễm tiếng ồn...?
- Khắc sâu thêm kiến thức về âm học trong thực tế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới âm học.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

<b>TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<b>Hoạt động 1: ôn lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu đặc điểm của nguồn âm?</li> <li>+ Thế nào là dao động?</li> <li>+ Nêu khái niệm về tần số? đơn vị tần số là gì?</li> <li>+ Giải thích vì sao âm có thể truyền được trong môi trường: rắn, lỏng, khí?</li> <li>+ Biên độ dao động là gì?</li> <li>+ Tai ta có thể nghe được âm từ bao nhiêu đến bao nhiêu?</li> <li>+ Nêu đặc điểm của quá trình truyền âm?</li> <li>+ Khi nào thì gọi là ô nhiễm tiếng ồn? giới hạn ô nhiễm tiếng ồn là bao nhiêu?</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức thông qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>-&gt; Các nguồn phát ra âm đều dao động.</li> <li>-&gt; Dao động là một chuyển động qua lại quanh một vị trí cho trước.</li> <li>-&gt; Số dao động trong một giây được gọi là tần số; Đơn vị tần số là héc ( ký hiệu là Hz)</li> <li>-&gt; Vì các chất rắn, lỏng khí được cấu tạo từ các hạt nguyên tử. Vì vậy khi nguồn âm dao động, nó làm cho các hạt nguyên tử ở sát nguồn âm dao động theo, những hạt này truyền dao động cho các hạt kế cận, cứ như thế dao động truyền đi xa.</li> <li>-&gt; Độ lệch lớn nhất của một dao động gọi là biên độ dao động.</li> <li>-&gt; Từ 20Hz – 20000hz</li> <li>-&gt; Trên đường truyền, nếu gặp vật cản, âm sẽ bị phản xạ lại.</li> <li>* Vật cứng, có bề mặt bóng, nhẵn, phản xạ âm tốt; vật mềm, có bề mặt gồ ghề, phản xạ âm kém; nếu âm phản xạ nghe được cách âm trực tiếp ít nhất 1/15 giây thì ta nghe được tiếng vang.</li> <li>-&gt; Tiếng ồn ào và kéo dài gây ảnh hưởng đến sức khỏe</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS trả lời.</li> <li>- GV chốt lại các kiến thức trọng tâm.</li> </ul>	con người gọi là ô nhiễm tiếng ồn; 70dB.  - HS tiếp nhận thông tin.	
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 1.</li> <li><b>Bài 1:</b> Đàn T'rung của dân tộc Tây nguyên phát ra âm thanh rất hay khi người chơi gõ vào từng ống tre một. Bộ phận nào trong đàn phát ra âm? - yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng nhất.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu thông tin bài 2.</li> <li><b>Bài 2:</b> Dơi là động vật chuyên ăn đêm, trong đêm tối dơi bay lại không hề va chạm vào bất kỳ một vật cản nào? Tại sao? Thế nhưng khi dơi bay lạc vào trong nhà, nhiều khi lại va chạm vào đầu người ngồi trong nhà? - Yêu cầu HS trả lời.</li> <li>- GV kết luận và chốt lại các ý đúng.</li> </ul>	<b>B- Bài tập:</b>  <b>Trả lời:</b> Khi gõ, từng ống tre một dao động. Vậy mỗi ống tre trong đàn dao động khi bị gõ đã phát ra âm.  - HS tiếp nhận thông tin.  <b>Trả lời:</b> Dơi là động vật di chuyển trong bóng đêm, nhờ vào mắt và nhờ vào siêu âm. Nó phát ra sóng siêu âm và nhận sóng siêu âm phản xạ về, nhờ đó mà tránh được các vật cản. Thế nhưng khi dơi lạc vào trong nhà và va chạm vào đầu người trong nhà, do tóc người có khả năng hấp thụ được sóng siêu âm do dơi phát ra, vì thế mà dơi không nhận được sóng siêu âm phản xạ về, nên nó không cảm nhận được vật cản và bay thẳng vào đầu ta. - HS tiếp nhận thông tin.	
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; 5 phút &gt;</b>		
+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp. + Xem trước bài – <b>Ôn tập chương II: Âm học</b>	- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>

Ngày soạn: .....

Tuần: 18,19

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 2: ÂM HỌC**

**Tiết 18: KIỂM TRA HỌC KÌ I - TỰ CHỌN LÝ 7**

( Năm học 2010-2011)

**I. MỤC TIÊU:**

- Tạo chu trình kín trong quá trình dạy - học, giúp HS thấy được những lỗ hổng tri thức của mình để cải tiến phương pháp học tập; đồng thời giúp GV hiểu được những thiếu sót của mình trong quá trình giảng dạy để kịp thời đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động trên lớp phù hợp với học sinh, giúp học sinh lĩnh hội kiến thức tốt nhất.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới âm học.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

**IV. Tiến trình kiểm tra**

**1. MA TRẬN ĐỀ**

MẠCH KIẾN THỨC	CÁC CẤP ĐỘ NHẬN THỨC						ĐIỂM
	Nhận thức		Thông hiểu		Vận dụng		
	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	
<b>Bài 1.Nguồn sáng-vật sáng PhầnIII</b>			Câu 3 0.5				1 Câu 0.5
<b>Bài 2.Định luật truyền thẳng ánh sáng Phần I</b>	Câu 1 0.5						1 Câu 0.5
<b>Bài 4.Định luật phản xạ ánh sáng Phần II</b>			Câu 1-2 Phần II 1.2	Câu 1 2.0			3 Câu 3.2
<b>Bài 7.Gương cầu lõm Phần II</b>			Câu 5 0.5				1 Câu 0.5
<b>Bài 8.Gương cầu lồi Phần I</b>	Câu 6 0.5						1 Câu 0.5
<b>Bài 10.Nguồn âm Phần I</b>			Câu 4 Phần II 0.4				1 Câu 0.4
<b>Bài 11.Độ cao của âm Phần I</b>			Câu 3 Phần II 0.4				1 Câu 0.4
<b>Bài 12.Độ to của âm Phần II</b>	Câu 2 0.5						1 Câu 0.5
<b>Bài 13.Môi trường truyền âm Phần I</b>			Câu 4 0.5			Câu 2 3.0	2 Câu 3.5
<b>TỔNG</b>	3 Câu 1.5 15%		7Câu 3.5 35%	1 Câu 1.5 15%		1 Câu 3.5 35%	12 Câu 10.0 100%

**2.ĐỀ BÀI:**

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN ( 5 điểm)**

**I. Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất: (3 điểm)**

**Câu 1.** Trong môi trường trong suốt và đồng tính, ánh sáng truyền theo đường nào?

- A. Theo nhiều đường khác nhau;                      B. Theo đường gấp khúc;  
 C. Theo đường thẳng;                                      D. Theo đường cong.

**Câu 2.** Độ to của âm được đo bằng đơn vị đề xi ben, kí hiệu là

- A. DB; B. Bd;  
C. db; D. dB.

**Câu 3. Nguồn sáng có đặc điểm gì?**

- A. Truyền ánh sáng đến mắt ta; B. Tự nó phát ra ánh sáng;  
C. Phản chiếu ánh sáng; D. Chiếu sáng các vật xung quanh.

**Câu 4. Âm truyền được qua những môi trường chất nào?**

- A. Chất rắn; B. Chất khí;  
C. Chất lỏng; D. Cả A, B, C

**Câu 5. Gương cầu lồi có vùng nhìn thấy rộng hơn gương nào ?**

- A. Gương phẳng; B. ;Gương cầu lõm  
C. Gương cầu lõm, gương phẳng; D. Gương cầu lồi.

**Câu 6. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm là ảnh gì ?**

- A. Ảnh thật; B. Vừa là ảnh thật, vừa là ảnh ảo;  
C. Ảnh ảo; D. Hứng được trên màn chắn.

**II. Tìm từ thích hợp trong khung điền vào chỗ trống (.....) sao cho câu hoàn chỉnh (2điểm)**

**Câu 1:** Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng chứa..... và đường..... của gương ở điểm tới.

**Câu 2:** Góc phản xạ ..... Góc tới.

**Câu 3:** Số dao động trong một giây gọi là.....

**Câu 4:** Vật phát ra âm gọi là.....

**Nguồn âm, Tần số, Tia tới, Pháp tuyến, Bằng, Lớn, Nhỏ**

37

**B. TƯ LUẬN:(5điểm)**

**Câu 1. a) Phát biểu định luật phản xạ ánh sáng ( 1điểm)**

**b)** Chiếu một tia sáng lên một gương phẳng ta thu được một tia phản xạ tạo với tia tới một góc  $40^\circ$ . Tìm giá trị góc tới ? ( 1điểm)

**Câu 2. Cho các số liệu trong bảng sau**

Không khí	Nước	Thép
340m/s	1500m/s	6100m/s

a) Hãy so sánh vận tốc truyền âm trong không khí, nước và thép? (1,5điểm)

b) So sánh vận tốc truyền âm của các chất rắn, chất lỏng, chất khí ? ( 1,5điểm)

**3. ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ I - TƯ CHON LÝ 7**

( Năm học 2010-2011)

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN ( 5 điểm)**

**I. Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất: (3 điểm)**

1. C                      2. D                      3. B                      4. D                      5. A                      6. C

( Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm)

**II Tìm từ thích hợp vào chỗ trống(.....) sao cho câu hoàn chỉnh ( 2 điểm)**

**Câu 1**.....Tia tới,.....pháp tuyến.....

**Câu 2** .....bằng.....

**Câu 3**.....Tần số.....

**Câu 4** .....Nguồn âm..... Mỗi từ đúng (0,4 điểm)

**B. TƯ LUẬN:**

1. Phát biểu đúng định luật, tìm được giá trị góc tới ( 2điểm)

2. a) Thép>Nước> Không khí ( 1,5điểm)

b) Vận tốc truyền âm của chất rắn lớn hơn chất lỏng lớn hơn chất khí(1,5điểm)

**4.THÔNG KÊ KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I Năm học: 2010-2011**

LỚP	TSHS	TSB	Điểm dưới TB	%	Điểm trên TB	%	Điểm Khá	%	Điểm Giỏi	%
7 A 3										
7 A 4										
<b>Dặn dò; hướng dẫn về nhà. &lt; phút &gt;</b>										
+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp; ngày 3/1/2011 bắt đầu học chương trình học kỳ II, vì vậy các em chủ động coi lại bài và chuẩn bị tốt bài mới. + Xem trước bài – Sự nhiễm điện do cọ xát,						- Ghi nhớ phần dặn dò của GV.				
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>				<b>Xác nhận của tổ trưởng chuyên môn</b>			<b>Xác nhận của ban giám hiệu</b>			

**Chủ đề: SỰ NHIỄM ĐIỆN DO CỌ XÁT**

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 28/01/2012

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng nhiễm điện do cọ xát trong thực tế (chỉ ra vật nào cọ xát với nhau và biểu hiện của sự nhiễm điện).
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài sự nhiễm điện do cọ xát.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống bài tập, câu hỏi liên quan tới sự nhiễm điện do cọ xát.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

1. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
2. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lý thuyết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu những khả năng của vật khi nó bị nhiễm điện.</li> <li>+ Vật nhiễm còn gọi là gì?</li> <li>+ Cho HS nhắc lại: Chiếu lược nhựa sau khi cọ xát vào mảnh vải khô, thanh thuỷ tinh sau khi cọ xát vào mảnh lụa, mảnh nilon, mảnh phim sau khi được cọ xát vào len, có khả năng gì?</li> <li>+ 2 vật sau khi cọ xát vào nhau rồi tách chúng ra, có hiện tượng gì xảy ra?</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>A. Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những vật sau khi được cọ xát nó có khả năng hút các vật khác được gọi là vật nhiễm điện hay vật mang điện tích.</li> <li>- Vật nhiễm điện có khả năng hút được các vật khác hoặc phóng điện qua vật khác.</li> <li>- Hút các vật khác</li> <li>- Có nhiều chớp sáng li ti và tiếng nổ lép lép.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập vận dụng</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa bảng phụ bài tập này cho HS quan sát, trả lời.</li> <li>- Sau khi HS trả lời xong, GV cho những HS khác nhận xét.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề, xác nhận bài làm của HS, bằng cách mở đáp án ở bảng phụ.</li> </ul> <p><b>Điền từ thích hợp:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vật sau khi bị cọ xát nó có khả năng.....(1).....vật khác. Ta bảo vật đó đã bị...(2)..... hay vật đó đã được.....(3)..... Vật bị nhiễm điện, có khả năng ...(4)... các vật khác hoặc .....(5)... qua vật khác.</li> <li>2. Nếu lấy thanh thuỷ tinh cọ xát vào mảnh lụa, sau khi cọ xát với nhau cả hai đều bị ...(6)... Người ta có thể kiểm nghiệm bằng cách cho cả hai đến gần ...(7)...chúng đều ...(8)... những mảnh giấy vụn.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1.</li> </ul> <p><b>Bài 1:</b> Trong các phân xưởng dệt, người ta thường treo những tấm kim loại đã nhiễm điện ở trên cao.</p>	<p><b>B. Bài tập:</b></p> <p>1- hút; 2- nhiễm điện; 3- mang điện tích; 4- hút; 5- phóng điện; 6- nhiễm điện; 7- những mảnh giấy vụn; 8- hút.</p>



<p>Làm như vậy có tác dụng gì? Hãy giải thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b> Bài 17.4 SBT</p> <p>Vào những ngày thời tiết khô ráo, nhất là những ngày hanh khô, khi cởi áo ngoài bằng len, dạ hay sợi tổng hợp, ta thường nghe thấy những tiếng lách tách nhỏ. Nếu khi đó trong buồng tối ta còn thấy các chớp sáng li ti. Hãy giải thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b> Vì sao các ngày trời nóng, hanh khô, người ta khuyên ta không nên lau màn hình vi tính, ti vi mà chỉ nên dùng chổi lông quét nhẹ mà thôi. Hãy giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- GV có thể cho thêm một số bài tập ở dạng trò chơi.</li> </ul>	<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì các vật bị nhiễm điện có khả năng hút bụi bông trong không khí.</li> <li>- Nhờ đó sức khoẻ con người sẽ được đảm bảo hơn. Sản phẩm sẽ tốt hơn, đẹp hơn.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì áo cọ xát với cơ thể, với áo khác nên bị nhiễm điện mạnh. Khi tách chúng ra, chúng gây ra những tia chớp sáng.</li> <li>- các chia chớp mang nhiệt rất lớn, làm cho không khí bị dẫn nở đột ngột, gây ra những tiếng nổ lách tách</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- vì trong khăn có các sợi bông, vải nên khi cọ xát nhiều lần vào màn hình vi tính, ti vi thì chúng bị nhiễm điện, màn hình ti vi, vi tính sẽ hút các sợi đó, làm ta lau không sạch được.</li> <li>- nếu ta lau nhẹ bằng chổi lông thì sự nhiễm điện giảm, hạn chế được bụi bám thêm trong quá trình lau, ta lau nhanh sạch hơn.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò; hướng dẫn về nhà</b>	
+ Hoàn thành nốt các bài tập còn lại, chưa làm xong ở lớp.	Ghi nhớ phần dặn dò của GV.

**Chủ đề:****HAI LOẠI ĐIỆN TÍCH**

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 12/02/2012

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài hai loại điện tích
- Khắc sâu thêm kiến thức của hai loại điện tích

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới hai loại điện tích.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lại lý thuyết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:</li> <li>+ Nêu kết luận bài hai loại điện tích.</li> <li>+ Quy ước về hai loại điện tích.</li> </ul>	<p><b>A. Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.</li> <li>-&gt; Có hai loại điện tích là điện tích âm và điện tích dương.</li> </ul>



<p>+ Sơ lược về cấu tạo nguyên tử</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>	<p>-&gt; Gọi điện tích của thanh thuỷ tinh cọ xát vào lụa là <b>điện tích dương (+)</b>; điện tích của thanh nhựa sẫm màu cọ xát vào vải khô là <b>điện tích âm (-)</b>.</p> <p>-&gt; Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện dương và các electron mang điện âm chuyển động quanh hạt nhân.</p> <p>- HS tham gia trả lời. - HS tiếp nhận thông tin.</p>
<p><b>Hoạt động 2: Vận dụng</b></p>	
<p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1</p> <p><b>Bài 1:</b> Trong hiện tượng nhiễm điện do cọ xát, khi hai vật cọ xát với nhau, có thể nào chỉ có một vật bị nhiễm điện còn vật kia vẫn trung hoà điện không? Tại sao</p> <p>- yêu cầu HS lần lượt trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2</p> <p><b>Bài 2:</b> Một quả cầu nhiễm điện dương chạm vào quả cầu chưa mang điện, electron dịch chuyển như thế nào?. Sau khi tách chúng ra, các quả cầu sẽ nhiễm điện ra sao?</p> <p>- yêu cầu HS lần lượt trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3</p> <p><b>Bài 3:</b> Hai quả cầu nhiễm điện trái dấu, được treo bằng sợi dây tơ.</p> <p>a) Ban đầu hai quả cầu bị lệch về phía nhau, rồi chạm nhau. Hãy giải thích. b) sau đó chúng lại lệch về phía ngược lại. Hãy giải thích.</p> <p>- yêu cầu HS lần lượt trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p><b>Bài 4:</b> Khi nói về hiện tượng nhiễm điện của các vật, Lân và Quang đã tranh luận với nhau. Lân cho rằng: Khi vật A đã nhiễm điện, nó có thể hút được các vật khác. Còn Quang thì lại cho rằng: Khi vật A hút được vật B, thì vật A chắc chắn đã bị nhiễm điện. Theo em bạn nào đúng? bạn nào sai? Vì sao?</p> <p><b>Bài 5:</b> Trong các cơn giông thường thấy có chớp (là tia lửa điện phát ra ánh sáng chói loà) kèm theo tiếng sấm vang dền, đôi khi còn có cả sét. Trước đây, một số người tin rằng đó là do “Thần sấm” và “Thần sét” tạo ra. Bằng kiến thức của mình về sự nhiễm điện. Em hãy giải thích hiện tượng trên.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>- Không thể xảy ra như vật được. - Vì khi cọ xát thì các electron chuyển động qua nhau nên các vật tham gia đều có sự mất cân đối điện tích ban đầu, tức là bị nhiễm điện. - HS tham gia trả lời. - HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>- Electron sẽ dịch chuyển từ quả cầu chưa nhiễm điện sang quả cầu nhiễm điện dương. - Cả hai quả cầu đều nhiễm điện dương.</p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>- vì hai quả cầu mang điện trái dấu nên chúng hút nhau. - sau khi chạm nhau, chúng nhiễm điện cùng loại nên đẩy nhau về hai phía ngược nhau.</p> <p><b>Bài 4:</b> Một vật khi nhiễm điện thì có khả năng hút các vật khác, đó là một đặc điểm quan trọng của vật nhiễm điện, ý kiến của Lân là chính xác. Khi một vật hút được một vật khác thì chưa hẳn vật ấy đã nhiễm điện. Chẳng hạn thanh nam châm hút được cái đinh sắt nhưng về bản chất thanh nam châm có thể hoàn toàn không phải là vật bị nhiễm điện. vậy ý kiến của Quang là không chính xác.</p> <p><b>Bài 5:</b> Khi những giọt nước nhỏ trong luồng không khí bốc lên cao, chngs cọ sát với nhau tạo thành các đám mây dông tích điện. Khi đó, giữa các đám mây dông tích điện với nhau hoặc giữa những đám mây dông và mặt đất xuất hiện tia lửa điện phát ra ánh sáng chói loà gọi là chớp. do nhiệt độ cao của tia lửa điện, không khí giãn nở đột ngột, phát ra tiếng nổ. - Tiếng nổ kèm theo khi có tia lửa điện giữa</p>

<p><b>Bài 6:</b> Cắt một dải pôliêtilen gấp lại làm hai rồi lồng chỗ gấp vào một thanh tre nhỏ sao cho hai lá của dải pôliêtilen nằm tự nhiên ở hai bên. Dùng hai ngón tay kẹp hai lá vuốt mạnh nhiều lần, hãy dự đoán xem sau khi vuốt, hiện tượng xảy ra như thế nào? Hãy giải thích?</p>	<p>hai đám mây gọi là sấm. - Tiếng nổ kèm theo khi có tia lửa điện giữa hai đám mây và mặt đất gọi là sét. <b>Bài 6:</b> Sau khi vuốt hai lá của dải pôliêtilen nhiều lần, cả hai lá đều bị nhiễm điện như nhau (cùng loại) chúng sẽ đẩy nhau. Kết quả là hai lá của dải pôliêtilen tách ra xa nhau.</p>
<b>Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà</b>	
<p>+ Học thuộc phần ghi nhớ. + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện. + Học kỹ và làm bài tập thêm.</p>	<p>* Lưu ý đến những nhắc nhở của GV.</p>

**Chủ đề:****DÒNG ĐIỆN - NGUỒN ĐIỆN**

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 26/02/2012

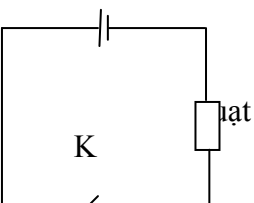
**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài dòng điện, nguồn điện.
- Khắc sâu thêm kiến thức của dòng điện, nguồn điện.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

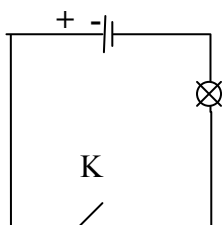
**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lại lý thuyết</b>	
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như: + Dòng điện là gì? Nguồn điện có cấu tạo như thế nào?  + Mắc mạch điện vào nguồn điện như thế nào? - Tổ chức cho học sinh trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>	<p><b>A- Lý thuyết:</b>  - Dòng điện là dòng các điện tích dịch chuyển có hướng; Mỗi nguồn điện đều có 2 cực, một cực gọi là cực dương, cực còn lại gọi là cực âm của nguồn. - Mắc cực dương của vật dẫn với cực dương của nguồn điện cực; âm của vật dẫn với cực âm của nguồn điện.</p>
<b>Hoạt động 2: Vận dụng</b>	
<p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1. <b>Bài 1:</b> Thiết lập một mạch điện trong đó có 1 quạt máy, 1 nguồn điện, và 1 khoá K. Quạt sẽ hoạt động ra sao nếu đóng và mở khoá K?  - yêu cầu HS lần lượt trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm - Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</p>	<p><b>B- Bài tập:</b> <b>Bài 1:</b> + Khi khoá K mở, quạt không quay và không có dòng điện chạy qua quạt.    + Khi khoá K đóng, quạt quay và có dòng điện chạy qua quạt.</p>

**Bài 2:** Dòng chuyển dời có hướng của các ion dương có phải là dòng điện không? Tại sao?

- yêu cầu HS lần lượt trả lời.
- GV chốt lại vấn đề cần nắm
- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3.

**Bài 3:** Cho mạch điện:



- a) Tại sao đèn không cháy sáng?
- b) Nếu đóng khoá K, mà đèn vẫn chưa hoạt động. Lý giải tại sao?

- yêu cầu HS lần lượt trả lời.
- GV chốt lại vấn đề cần nắm

**Bài 4:** Dùng một viên pin nối với một bóng đèn pin nhỏ bằng dây dẫn thấy bóng đèn sáng. Hỏi bóng đèn pin còn sáng không nếu ta đảo chiều hai cực của pin?

**Bài 5:** Một học sinh nối hai cực của một viên pin với một bóng đèn nhỏ thấy đèn không sáng. Theo em, những nguyên nhân nào có thể dẫn đến hiện tượng trên?

**Bài 6:** Hãy so sánh về tác dụng của một viên pin trong đèn pin và một ắc quy dùng trong xe máy?

**Bài 7:** Ở nhiều xe đạp có một bộ phận là nguồn điện tạo ra nguồn điện để thắp sáng bóng đèn khi đi vào ban đêm. Em hãy quan sát và mô tả hình dáng bộ phận này và cho biết khi nào thì bộ phận này mới hoạt động và thắp sáng bóng đèn?

- HS tham gia trả lời.
- HS tiếp nhận thông tin.

**Bài 2:** Các ion dương là các hạt mang điện tích dương – nó cũng là điện tích: vì vậy sự chuyển động có hướng của nó cũng tạo ra dòng điện.

- HS tham gia trả lời.
- HS tiếp nhận thông tin.

**Bài 3:**

a) Đèn không cháy sáng là khoá K chưa đóng, không có dòng điện chạy qua đèn.

b) Nếu đóng khoá K rồi mà đèn vẫn chưa chịu hoạt động, ta phải kiểm tra lại các điều kiện sau:

- Dây điện có bị đứt chỗ nào không?
- Bóng đèn có còn tốt không?
- Kiểm tra điểm tiếp xúc giữa đèn và dây.

**Bài 4:** Bóng đèn pin có thể phát sáng khi dòng điện chạy qua nó theo bất kì chiều nào, do đó khi đảo chiều hai cực của pin thì bóng đèn vẫn sáng bình thường.

**Bài 5:** Một số nguyên nhân có thể dẫn đến hiện tượng trên là:

- Dây tóc bóng đèn có thể bị đứt.
- Dây nối có thể bị đứt ngầm bên trong.
- các đầu dây nối vẫn chưa chặt với hai cực của pin, với hai chốt nối của đèn.
- Pin đã quá cũ.

**Bài 6:** Về tác dụng, chúng hoàn toàn giống nhau là tạo ra dòng điện lâu dài trong các thiết bị điện phù hợp với nó. Tuy nhiên điểm khác nhau cơ bản là ắc quy có thể sử dụng trong thời gian dài hơn so với pin. Sau thời gian dài sử dụng, ắc quy có thể nạp điện và tiếp tục sử dụng còn pin trong đèn pin thường dùng một lần, không tái sử dụng được bằng cách nạp điện như ắc quy.

**Bài 7:** Bộ phận là nguồn điện trên xe đạp thường gọi là đinamô. Nguồn điện này có dạng hình trụ tròn, phía trên có một cái núm nhỏ, vành núm có nhiệm vụ rãnh nhỏ có thể cọ sát vào một bên thành của bánh xe. Bình thường núm nhỏ được điều chỉnh để nó không tiếp xúc với bánh xe, khi cần làm cho bóng đèn sáng, ta quay cho núm tí sát vào bánh xe, khi bánh xe quay, nó làm cho núm nhỏ này quay theo và bóng đèn sẽ sáng.

**Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà**

- + Học thuộc phần ghi nhớ.
- + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.

+ Học kỹ và làm bài tập thêm.

**Chủ đề:** CHẤT DẪN ĐIỆN - CHẤT CÁCH ĐIỆN  
DÒNG ĐIỆN TRONG KIM LOẠI

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 04/03/2012

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài chất dẫn điện, chất cách điện, dòng điện trong kim loại.
- Khắc sâu thêm kiến thức của chất dẫn điện, chất cách điện, dòng điện trong kim loại.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. Ôn định:**

**2. Bài mới:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lại lý thuyết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:</li> <li>+ Chất dẫn điện là gì? Chất cách điện là gì?</li> <li>+ Vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện là gì?</li> <li>+ Phát biểu dòng điện trong kim loại?</li> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>A. Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất dẫn điện là chất cho dòng điện chạy qua; chất cách điện là chất không cho dòng điện chạy qua.</li> <li>* Vật liệu dẫn điện là vật liệu có sẵn rất nhiều các hạt mang điện tích (ion, electron) có thể di chuyển một cách tự do từ nơi này đến nơi khác.</li> <li>* Vật liệu cách điện là vật liệu có rất ít hoặc không có các hạt mang điện tích có thể di chuyển tự do.</li> <li>- Dòng điện trong kim loại là dòng các electron tự do dịch chuyển có hướng.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Vận dụng</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1</li> <li><b>Bài 1:</b> Em hãy giải thích tại sao các cán của kim thường được bọc bằng nhựa, cao su?</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2</li> <li><b>Bài 2:</b> Nếu dụng cụ chỉ gồm một bóng đèn và nguồn điện là hai viên pin thì em có thể làm cho bóng đèn phát sáng được không? Tại sao?</li> <li><b>Bài 3:</b> Tại sao các sợi dây âm tường thường được luồn trong các ống nhựa.</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3</li> <li><b>Bài 4:</b> Tại sao nước thì dẫn điện còn nước cất thì không dẫn điện?</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li><b>Bài 5:</b> Hãy quan sát cái kim của chú thợ điện và</li> </ul>	<p><b>B. Bài tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> Vì cao su, nhựa là vật liệu cách điện. Nhờ đó nó sẽ cách điện cho người và nguồn điện. Do đó ta được an toàn trong quá trình sửa chữa điện..</p> <p><b>Bài 2:</b> Để bóng đèn phát sáng cần phải có dòng điện chạy qua bóng đèn. Nếu dụng cụ chỉ gồm hai viên pin, một bóng đèn và không có dây dẫn ta không thể nối thành mạch điện kín, do đó không thể có dòng điện chạy qua bóng đèn làm đèn phát sáng.</p> <p><b>Bài 3:</b> Vì nhựa là chất cách điện, nên nó sẽ ngăn cản nhiễm điện từ dây dẫn điện ra tường khi mạch điện có sự cố.</p> <p><b>Bài 4:</b> Vì nước cất không có tạp chất. Còn nước thường có tạp chất, nên chúng có thể dẫn điện.</p> <p><b>Bài 5:</b></p>

<p>cho biết bộ phận nào của kim là bộ phận cách điện, bộ phận nào dẫn điện?</p> <p><b>Bài 6:</b> Chất cách điện và chất dẫn điện có điểm nào khác biệt nhau về mặt cấu tạo?</p> <p><b>Bài 7:</b> Quan sát dưới gầm các ô tô chở xăng bao giờ ta cũng thấy có một dây xích sắt. Một đầu của dây xích này được nối với vỏ thùng chứa xăng, đầu kia được thả kéo lê trên mặt đường. Hãy cho biết dây xích này được sử dụng như thế để làm gì? Tại sao?</p> <p><b>Bài 8:</b> Tại sao người ta thường làm “cột thu lôi” bằng sắt, đồng mà không phải bằng gỗ?</p>	<p>- Bộ phận cách điện là tay cầm có vỏ bọc bằng cao su hoặc nhựa.</p> <p>- Bộ phận dẫn điện là kim loại làm kim.</p> <p><b>Bài 6:</b> Chất dẫn điện là chất có nhiều hạt mang điện có thể chuyển động tự do, còn chất cách điện thì có rất ít các hạt có thể chuyển động tự do. Chẳng hạn, trong kim loại có rất nhiều các hạt mang điện chuyển động tự do, đó là các êlectrôn. Chất cách điện tốt như tơ, sứ, cao su ... có rất ít các hạt mang điện có thể chuyển động tự do.</p> <p><b>Bài 7:</b> Dung dây xích sắt để tránh xảy ra cháy, nổ xăng. Vì ô tô chạy, ô tô cọ xát mạnh với không khí, làm nhiễm điện những phần khác nhau của ô tô. Nếu bị nhiễm điện mạnh, giữa các phần này phát sinh tia lửa điện gây cháy nổ xăng. Nhờ dây xích sắt là vật dẫn điện, các điện tích từ ô tô dịch chuyển qua nó xuống đất, loại trừ sự nhiễm điện mạnh.</p> <p><b>Bài 8:</b> Người ta làm cột thu lôi bằng sắt, đồng vì sắt hay đồng là chất dẫn điện tốt. Khi các đám mây phóng các điện tích qua không khí xuống mái nhà gặp cột thu lôi thì các điện tích sẽ truyền qua dây sắt, đồng xuống đất, đảm bảo an toàn. Người ta không dùng gỗ vì gỗ là vật cách điện.</p>
<p><b>Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà</b></p>	
<p>+ Học thuộc phần ghi nhớ.</p> <p>+ Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.</p> <p>+ Học kỹ và làm bài tập thêm.</p>	

**Chủ đề: SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN - CHIỀU DÒNG ĐIỆN**

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 18/03/2012

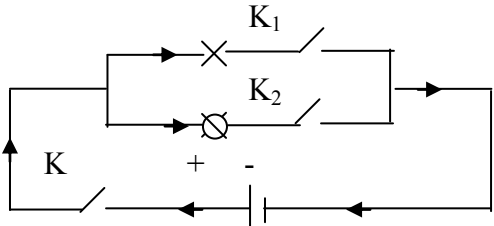
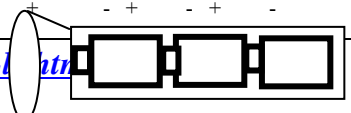
**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài sơ đồ mạch điện – chiều dòng điện.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài sơ đồ mạch điện, chiều dòng điện.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:****1. Ôn định:****2. Bài mới:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lại lý thuyết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cần có những bộ phận nào để có sơ đồ mạch điện?</li> <li>+ Thế nào là mạch điện?</li> <li>+ Muốn có dòng điện trong mạch điện phải có điều kiện gì?</li> <li>+ thế nào là mạch điện kín, mạch điện hở?</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>A. Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- Cần phải có: nguồn điện, dây dẫn điện, vật tiêu thụ điện và khoá K (dùng để đóng ngắt mạch điện).</li> <li>- Mạch điện gồm các bộ phận: Nguồn điện, dây dẫn, vật tiêu thụ điện nối với nhau tạo thành mạch điện.</li> <li>- Phải có nguồn điện nối với các vật dẫn tạo thành một mạch kín.</li> <li>- Mạch điện kín: gồm toàn những vật dẫn nối với nhau thành một dây liên tiếp giữa 2 cực của nguồn điện; mạch hở: trong mạch có một vị trí bị ngắt quãng hoặc có một vật cách điện mắc xen kẽ vào mạch điện.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Vận dụng</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1</li> <li><b>Bài 1:</b> Hãy vẽ sơ đồ mạch điện gồm 1 bộ nguồn, 2 bóng đèn mắc song song, mỗi đèn dùng riêng 1 khoá, 1 khoá dùng chung cho 2 bóng đèn.</li> <li>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2</li> <li><b>Bài 2:</b> Hãy vẽ sơ đồ mạch điện gồm 1 bộ nguồn 2 pin mắc nối tiếp, 2 bóng đèn giống nhau, 1 khoá, trong các trường hợp sau:               <ol style="list-style-type: none"> <li>Đóng khoá K, cả 2 đèn cùng sáng.</li> <li>Đóng khoá K, tháo bỏ 1 đèn, đèn còn lại tắt.</li> <li>Đóng khoá K, tháo bỏ 1 đèn, đèn còn lại vẫn sáng.</li> </ol> </li> <li>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li><b>Bài 3:</b> Trong các đèn pin dùng trong gia đình, có đèn pin sử dụng hai viên pin, có đèn sử dụng ba viên pin. Hãy quan sát đèn pin của nhà mình và cho biết các viên pin phải đặt ở vị trí như thế nào thì đèn pin mới sáng khi bật công tắc.</li> </ul>	<p><b>B. Bài tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p>  <p><b>Bài 2:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vẽ đúng 2 hình, 1 hình 2 bóng đèn mắc nối tiếp, 1 hình 2 bóng đèn mắc song song.</li> <li>Vẽ đúng trường hợp 2 bóng đèn mắc nối tiếp, tháo bỏ 1 đèn, đèn còn tắt.</li> <li>Vẽ đúng trường hợp 2 bóng đèn mắc song song, tháo bỏ 1 đèn, đèn còn lại vẫn sáng.</li> </ol> <p><b>Bài 3:</b> Các đèn pin phải đặt nối tiếp nhau, các cực của mỗi cực pin phải đặt theo cùng một hướng: cực dương bên trong, cực âm bên ngoài như hình vẽ</p> 

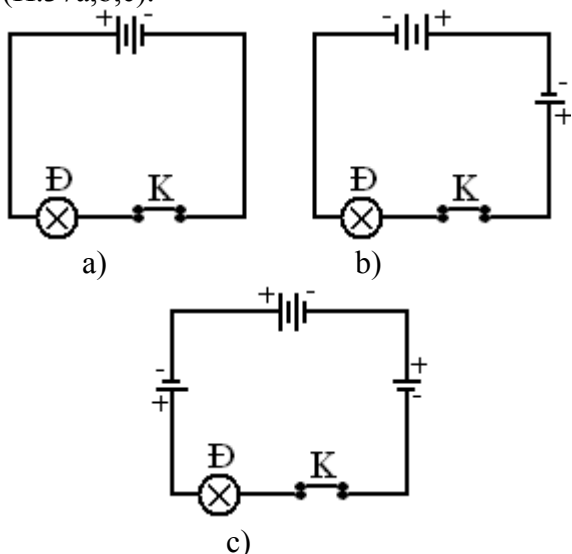


**Bài 4:** Chọn cụm từ thích hợp trong khung để điền vào chỗ trống trong câu sau đây cho đúng nghĩa.

- |              |             |
|--------------|-------------|
| + dòng điện  | + cực dương |
| + vật dẫn    | + cực âm    |
| + nguồn điện | + êletrôn   |

Trong một mạch điện, ... có chiều đi từ ... của ... Qua tới ... của ... theo qui ước này thì, ... dịch chuyển theo hướng ngược chiều với ... trong mạch.

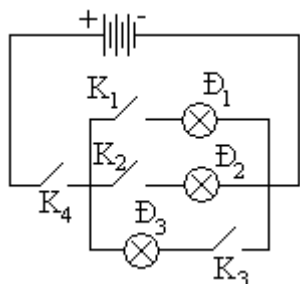
**Bài 5:** Trong các mạch điện nêu trong hình vẽ (H.37a,b,c).



- Có bao nhiêu nguồn điện trong từng mạch?  
 - Trong mỗi mạch điện, dòng điện có chiều như thế nào? Hãy biểu diễn bằng cách vẽ thêm chiều dòng điện vào mạch.

**Bài 6:** Thử đoán xem, nếu chiều dòng điện ở mạch ngoài là từ cực dương, qua dây dẫn, qua vật liệu tiêu thụ điện đến cực âm của nguồn thì dòng điện bên trong nguồn có chiều thế nào?

**Bài 7:** Hãy nêu tên của các kí hiệu đã dùng trong hình vẽ:

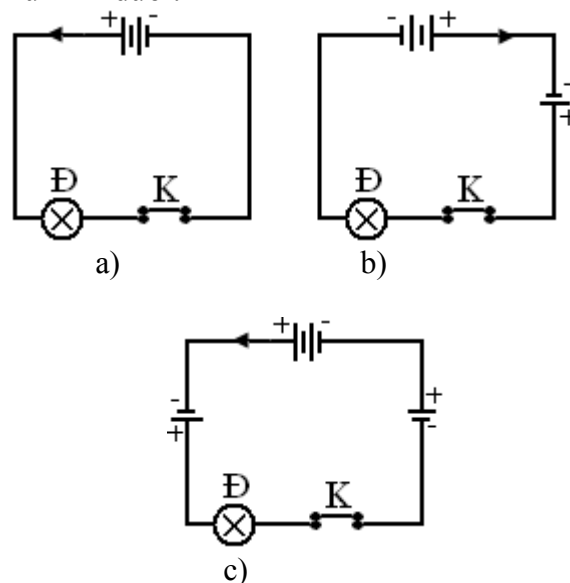


**Bài 8:** Hãy vẽ sơ đồ mạch điện gồm một điện, ba công tắc  $K_1, K_2, K_3$  và 2 đèn  $Đ_1, Đ_2$  sao cho nếu khi chỉ đóng  $K_1$  thì đèn  $Đ_1$  sáng; chỉ đóng  $K_2$  thì đèn  $Đ_2$  sáng; chỉ đóng  $K_3$  thì cả hai đèn đều sáng.

**Bài 4:** Trong một mạch điện dòng điện có chiều đi từ cực dương của nguồn điện. Qua vật dẫn tới cực âm của nguồn điện theo qui ước này thì, êletrôn dịch chuyển theo hướng ngược chiều với dòng điện trong mạch.

**Bài 5:**

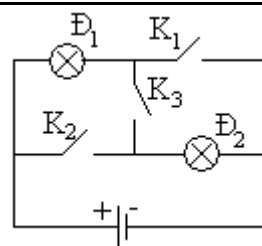
- Mạch điện hình a có hai nguồn điện.  
 - Mạch điện hình b có ba nguồn điện.  
 - Mạch điện hình c có 4 nguồn điện.  
 Chiều dòng điện trong các mạch điện biểu diễn như hình dưới:



**Bài 6:** Chiều dòng điện bên trong nguồn điện là chiều đi từ cực âm tới cực dương.

**Bài 7:** Ba nguồn điện mắc liên tiếp  
 Bốn công tắc  $K_1, K_2, K_3, K_4$   
 Ba đèn  $Đ_1, Đ_2, Đ_3$ .

**Bài 8:**

**Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà**

- + Học thuộc phần ghi nhớ.
- + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.
- + Học kỹ và làm bài tập thêm.



**Chủ đề: TÁC DỤNG NHIỆT VÀ TÁC DỤNG PHÁT SÁNG CỦA DÒNG ĐIỆN**

Thời lượng: 1 buổi

Ngày soạn: 29/03/2012

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài tác dụng nhiệt, tác dụng phát sáng của dòng điện.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài tác dụng nhiệt, tác dụng phát sáng của dòng điện.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

1. Ôn định:
2. Bài mới:

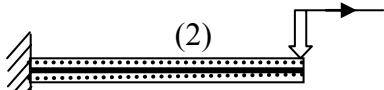
Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Ôn lại lý thuyết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:</li> <li>+ Hãy nêu kết luận về tác dụng nhiệt của dòng điện?</li> <li>+ Hãy nêu kết luận về tác dụng phát sáng của dòng điện</li> <li>+ Tại sao dòng điện có thể làm sáng bóng đèn bút thử điện, và đèn điốt phát quang, mặc dù các đèn này chưa nóng tới nhiệt độ cao.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>A. Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.</li> <li>- Khi dòng điện đi qua một vật dẫn thông thường thì các vật dẫn này đều bị nóng lên. Đó là tác dụng nhiệt của dụng cụ điện.</li> <li>- Nếu vật dẫn nóng lên tới nhiệt độ cao thì phát sáng.</li> <li>- Vì các đèn này phát sáng là do vùng chất khí ở 2 đầu của đèn phát sáng lên.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Vận dụng</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1</li> <li><b>Bài 1:</b> Tại sao bàn ủi khi nóng đến nhiệt độ đã định thì tự ngắt?</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2</li> <li><b>Bài 2:</b> Tại sao cùng một thời gian thắp như nhau mà bóng đèn tròn mau nóng hơn bóng đèn dài (đèn Neon).</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3</li> <li><b>Bài 3:</b> Tại sao trong máy vi tính có những chiếc quạt nhỏ?</li> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li><b>Bài 4:</b> Khi các dụng cụ dùng điện sau đây, trường hợp nào tác dụng nhiệt của dòng điện là</li> </ul>	<p><b>B. Bài tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> Vì trong bàn ủi có băng kép, khi nóng lên thì nó bị cong, làm mạch bị ngắt và bàn ủi không còn điện chạy qua nên bàn ủi sẽ tạm ngừng hoạt động. Còn sau khi nó được nguội đi thì nó lại thẳng băng kép, bàn ủi hoạt động bình thường.</p> <p><b>Bài 2:</b> Bóng đèn tròn hoạt động trên nguyên tắc dòng điện chạy qua sợi dây tóc bóng đèn làm sợi dây tóc bị nóng lên. Còn bóng đèn dài hoạt động trên nguyên tắc phóng điện trong chất khí. Nên bóng đèn dài mau nóng hơn bóng đèn tròn.</p> <p><b>Bài 3:</b> Máy vi tính là một thiết bị điện vì vậy tuân theo nguyên tắc khi có dòng điện chạy qua thì vật dẫn bị nóng lên. Nếu để các linh kiện trong máy hoạt động dưới nhiệt độ cao thì sẽ chóng hỏng. Do đó nhờ các chiếc quạt trong máy sẽ làm cho máy được làm mát, giảm nhiệt độ của máy. Do đó máy có thể hoạt động trong thời gian dài.</p> <p><b>Bài 4:</b> Với các dụng cụ dùng điện: Nồi cơm điện, bàn là điện và mỏ hàn điện thì tác dụng nhiệt của dòng điện là có lợi.</p>

có lợi?

- A. Máy bơm nước.            B. Nồi cơm điện  
C. Bàn là điện.                D. Máy vi tính.  
E. Quạt điện.                 F. Ti vi  
G. Bóng đèn điện.            H. Mỏ hàn điện.

**Bài 5:** Băng kép là một thiết bị có mặt trong nhiều thiết bị điện cần đóng ngắt mạch tự động. Nó gồm hai tấm kim loại khác nhau dán sát vào nhau. Một đầu gắn cố định, đầu kia bó trí chạm vào tiếp điểm A như hình vẽ (H.79).

(1) A



Khi dòng điện chạy qua băng kép quá một giới hạn nào đó, băng kép sẽ bị cong xuống tách khỏi tiếp điểm và dòng điện bị ngắt. Hỏi:

- a) Việc chế tạo băng kép dựa trên cơ sở nào của dòng điện.  
b) Hai tấm kim loại của băng kép có thể làm cùng một thứ kim loại được không? Tại sao?  
c) Trong hai tấm kim loại cấu tạo nên băng kép (H.79), tấm nào phải dẫn nở vì nhiệt nhiều hơn? Tại sao?

**Bài 6:** Hãy quan sát bóng đèn của bút thử điện phát sáng khi ta dùng bút cắm vào một lỗ của ổ điện và bóng đèn tròn phát sáng khi có dòng điện chạy qua, cho biết sự phát sáng này là do nguyên nhân nào: Dây kim loại trong bóng đèn nóng đỏ phát sáng hay khi có dòng điện chạy qua chất khí trong bóng đèn bị kích thích phát sáng?

**Bài 7:** Hãy tìm hiểu chiếc đèn ống (loại đèn 1,2 m hay đèn 6 tắc) thường sử dụng trong gia đình và cho biết hoạt động của loại đèn này có gì khác so với lại bóng đèn tròn?

**Bài 5:**

a) Việc chế tạo băng kép dựa trên cơ sở tác dụng nhiệt của dòng điện và sự nở của vật rắn.

b) Hai tấm kim loại của băng kép không thể làm cùng một thứ kim loại, vì như thế khi dòng điện chạy qua làm băng kép nóng lên, hai tấm kim loại sẽ nở vì nhiệt như nhau và băng kép sẽ không bị cong, tiếp điểm sẽ không rời khỏi băng kép khi nhiệt độ lên quá mức cho phép.

c) Khi băng kép trên hình vẽ hoạt động, mục đích của băng kép là khi nhiệt độ lên quá mức cho phép, băng kép phải cong xuống, rời khỏi tiếp điểm A. Muốn vậy tấm kim loại (1) phải nở vì nhiệt nhiều hơn tấm kim loại (2).

**Bài 6:**

- Đối với bóng đèn của bút thử điện, Dòng điện chạy qua chất khí của bóng đèn làm chất khí này phát sáng.

- Đối với bóng đèn tròn, khi dòng điện chạy qua dây tóc bóng đèn nóng tới nhiệt cao và phát sáng.

**Bài 7:** Điểm khác biệt cơ bản là khi có dòng điện chạy qua, dây tóc bóng đèn tròn nóng đến nhiệt độ cao và phát sáng còn đối với đèn ống, nhờ có cơ chế đặc biệt mà khi dòng điện chạy qua chất bột phủ bên trong thành của bóng đèn (bột huỳnh quang

### Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà

- + Học thuộc phần ghi nhớ.
- + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.
- + Học kỹ và làm bài tập thêm.

**Chủ đề: TÁC DỤNG TỪ, TÁC DỤNG HOÁ HỌC VÀ TÁC DỤNG SINH LÝ CỦA DÒNG ĐIỆN**

Thời lượng: 1 buổi  
Ngày soạn:

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài tác dụng từ, tác dụng hoá học và tác dụng sinh lý của dòng điện.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài tác dụng từ, tác dụng hoá học và tác dụng sinh lý của dòng điện.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

1. Ôn định:
2. Bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lại lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nam châm điện là gì?</li> <li>+ Hãy nêu một số ứng dụng tác dụng hoá học của dòng điện.</li> <li>+ Nêu một số tác hại, biểu hiện khi bị điện giật.</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.</li> <li>-&gt; Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt non có dòng điện chạy qua là nam châm điện.</li> <li>-&gt; Mạ điện, đúc điện, điều chế các chất, luyện kim, nạp điện.</li> <li>-&gt; Co giật cơ, tim ngừng đập, ngạt thở, thần kinh tê liệt...</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1.</li> </ul> <p><b>Bài 1:</b> Vì sao nam châm điện có thể hút được những vật có khối lượng lớn?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b> có một dây chuyền sắt quấn trên thỏi than nối với cực âm, sau đó bỏ hai thỏi than đó vào dung dịch muối bạc. Hãy nêu và giải thích hiện tượng xảy ra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b> Thế nào là nam châm vĩnh cửu, nam châm vĩnh cửu và nam châm điện giống và khác nhau như thế nào?</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p style="text-align: right;"><u>Trả lời:</u></p> <p>Vì khả năng hút sắt, thép của nam châm phụ thuộc vào dòng điện chạy trong cuộn dây của nam châm điện. Nhờ đó nếu người ta cung cấp cho cuộn dây dòng điện mạnh thì nam châm điện có thể hút vật có khối lượng lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p style="text-align: right;"><u>Trả lời:</u></p> <p>Dây chuyền gắn với thỏi than nối với cực âm của nguồn điện có một lớp Bạc bám vào. Vì nhờ tác dụng hoá học của dòng điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul> <p style="text-align: right;"><u>Trả lời:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nam châm mà có khả năng hút sắt, thép mà không cần dòng điện chạy qua cuộn dây.</li> <li>- Giống nhau: Đều có khả năng hút sắt, thép.</li> <li>- Khác nhau: nam châm điện có điện mới hút được sắt, thép. Còn không có điện thì không.</li> </ul> <p>Nam châm vĩnh cửu thì không</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>

- yêu cầu HS lần lượt trả lời. - GV chốt lại vấn đề cần nắm		
<b>Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà &lt; 5 phút &gt;</b>		
+ Học thuộc phần ghi nhớ. + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện. + Học kỹ và làm bài tập thêm. + Xem trước bài – <b>Ôn tập và kiểm tra 1 tiết.</b>		* Lưu ý đến những nhắc nhở của GV.
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng tổ chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của BGH</b>



Ngày soạn: .....

Tuần: 27

Ngày dạy: .....

### Chủ đề 3: ĐIỆN HỌC

#### Tiết 26: ÔN TẬP

#### **I. MỤC TIÊU:**

- Tự kiểm tra để củng cố và nắm chắc các kiến thức cơ bản của chương trình điện học từ tiết 19 đến tiết 25.

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề liên quan.

- Khắc sâu thêm kiến thức của điện học.

#### **II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

#### **III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

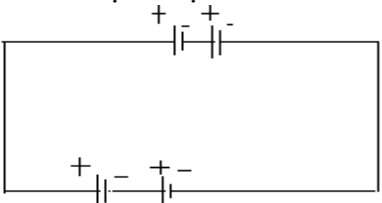
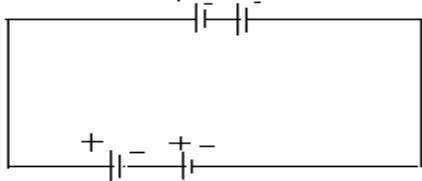
Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lại lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:	<b>A- Lý thuyết:</b> - Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.

<p>- Gọi HS lần lượt trả lời phần ghi nhớ sgk từ bài 17 đến bài 23</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>	<p>-&gt; Ghi nhớ: SGK</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>
<p><b>Hoạt động 2: Vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b></p>	
<p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1.</p> <p><b>Bài 1:</b>  <b>Dùng từ thích hợp điền vào chỗ trống</b>                  a/ Vật bị nhiễm điện có khả năng ...                  b/ Thanh thủy tinh cọ xát vào mảnh lụa nhiễm điện ...                  c/ Vật mang điện tích dương ...vật mang điện tích âm và...vật mang tích dương.                  d/Vật mang điện tích âm vì nó ... và mang điện tích dương vì nó ...</p> <p>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b>Bài 2:</b>  <b>Trong các câu sau đây câu nào đúng, câu nào sai?</b>                  a/-Dòng điện chạy qua dây dẫn bằng đồng có tác dụng làm nóng dây dẫn này.                  b/ Dòng điện thích hợp chạy qua cơ thể người có thể chữa một số bệnh .                  c/ Dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn có thể làm quay kim Nam Châm.- yêu cầu HS lần lượt trả lời.                  - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 3.</p> <p><b>Bài 3:</b>                  Hãy ghép các câu sau đây thành câu có nghĩa:                  1/ Bóng đèn dây tóc phát sáng là do                  2/ Bóng đèn bút thử điện phát sáng là do                  3/ Chuông điện kêu là do                  4/ Cơ bị co giật khi bị điện giật là do                  a/ Tác dụng từ của dòng điện                  b/ Tác dụng nhiệt của dòng điện                  c/ Tác dụng sinh lí của dòng điện                  d/ Tác dụng phát sáng của dòng điện</p> <p>- yêu cầu HS lần lượt trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</p> <p><b>Bài 4:</b>                  a/ <b>Vẽ sơ đồ mạch điện thắp sáng bóng đèn pin</b>                  - Cho 1 HS lên bảng vẽ còn lại cả lớp vẽ vào ta</p> <p>b/ <b>GV vẽ lên bảng sơ đồ mạch điện</b> : cho HS quan sát và trả lời:                  - Khi ngắt khoá k hỏi đèn nào không sáng ? Vì sao?                  (đ2,đ3 không sáng vì mạch hở không có dòng điện chạy qua)                  - yêu cầu HS lần lượt trả lời.                  - GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p><b>Trả lời:</b>                  a/ hút vật khác                  b/ dương                  c/ hút, đẩy                  d/ nhận thêm electron, mất bớt electron.</p> <p>- HS tham gia trả lời.                  - HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b>                  a/ đúng                  b/ đúng                  c/ đúng</p> <p>- HS tham gia trả lời.                  - HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b>                  1- b                  2- d                  3- a                  4- c</p> <p>- HS tham gia trả lời.                  - HS tiếp nhận thông tin.</p> <p><b>Trả lời:</b>                  a/ Sơ đồ mạch điện:                    b/ HS quan sát sơ đồ mạch điện:  </p>

Hoạt động 3: Hướng dẫn về nhà < 5 phút >		
+ Học thuộc phần ghi nhớ. + Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện. + Học kỹ và làm bài tập thêm. + Xem trước bài – <b>kiểm tra 1 tiết.</b>	* Lưu ý đến những nhắc nhở của GV.	
Rút kinh nghiệm sau bài dạy	Xác nhận của tổ trưởng tổ chuyên môn	Xác nhận của BGH



Ngày soạn: .....

Tuần: 28

Ngày dạy: .....

### Chủ đề 3: ĐIỆN HỌC

#### Tiết 27: KIỂM TRA 1 TIẾT

#### I. MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức:** Giúp giáo viên đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh trong chương điện học.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng kiến thức của mình để hoàn thành tốt bài kiểm tra.

**3. Thái độ (Giáo dục):** Giáo dục tính độc lập nghiêm túc trong kiểm tra.

#### II. CHUẨN BỊ:

**1. Giáo viên:** Đề kiểm tra

**2. Học sinh:** học bài ở nhà

#### III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

#### MA TRẬN HAI CHIỀU

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng cấp thấp		Vận dụng cấp cao	
	Câu hỏi	Điểm	Câu hỏi	Điểm	Câu hỏi	Điểm	Câu hỏi	Điểm
Nhiệm điện	1	0,5	5	0,5	9	1,5		
Dòng điện	2	0,5	6	0,5	10	1,5	11b	1
Vật dẫn điện-vật cách điện	4	0,5						
Các tác dụng của dòng điện	3	0,5	7, 8	2			11a	1
Tổng số câu hỏi – điểm	4	2	4	3	2	3	1	2
Tỉ lệ phần trăm điểm	20%		30%		30%		20%	

**I – Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng**

**Câu 1.** Đưa thước nhựa đã được cọ xát nhiều lần bằng một mảnh len lại gần một tia nước nhỏ thì tia nước bị hút lại gần thước nhựa. Đó là vì :

- A. Thước nhựa có tính chất từ giống như thanh nam châm.
- B. Thước nhựa đã bị nhiễm điện.
- C. Tia nước đã bị nhiễm điện.
- D. Tia nước và thước nhựa đã bị nhiễm điện khác loại.

**Câu 2.** Dòng điện là gì ?

- A. Dòng điện chỉ là dòng các electron dịch chuyển có hướng.
- B. Dòng điện chỉ là dòng các điện tích âm dịch chuyển có hướng.
- C. Dòng điện chỉ là dòng các điện tích dương dịch chuyển có hướng.
- D. Dòng điện là dòng các điện tích loại bất kì dịch chuyển có hướng.

**Câu 3.** Đèn LED sáng là do :

- A. Tác dụng phát sáng của dòng điện.
- B. Tác dụng từ của dòng điện.
- C. Tác dụng nhiệt của dòng điện.
- D. Tác dụng hoá học của dòng điện.

**Câu 4.** Vật nào dưới đây là vật cách điện ?

- A. Một đoạn dây thép.
- B. Một đoạn dây nhôm.
- C. Một đoạn dây nhựa.
- D. Một đoạn ruột bút chì.

**II – Dùng từ hay cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau**

**Câu 5.** Hai vật nhiễm điện . . . . . khi đặt gần nhau thì đẩy nhau.

**Câu 6.** Dòng điện chạy qua một cuộn dây đồng có thể làm quay kim nam châm đặt gần một đầu cuộn dây. Đó là . . . . . của dòng điện.

**III – Dùng gạch nối để ghép mỗi đoạn câu ở cột bên trái với một đoạn câu ở cột bên phải để thành một câu có nội dung đúng**



**Câu 7.**

- |                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| A. Bóng đèn dây tóc toả sáng      | 1. là do tác dụng từ của dòng điện.        |
| B. Chuông điện kêu                | 2. là do tác dụng phát sáng của dòng điện. |
| C. Bóng đèn bút thử điện loé sáng | 3. là do tác dụng sinh lí của dòng điện.   |
| D. Các cơ bị co khi bị điện giật  | 4. là do tác dụng nhiệt của dòng điện.     |

**Câu 8.**

- |  |   |
|--|---|
| A. Mảnh phim nhựa bị cọ xát                                      | 1. có khả năng làm sáng bóng đèn dây tóc              |
| B. Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt non khi có dòng điện chạy qua | 2. có khả năng làm biến đổi chất này thành chất khác. |
| C. Tác dụng hoá học của dòng điện                                | 3. có khả năng hút các vụn giấy.                      |
| D. Tác dụng nhiệt của dòng điện                                  | 4. có khả năng làm quay kim nam châm.                 |

**IV – Hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây**

**Câu 9.** a) Có thể làm một vật bị nhiễm điện bằng cách nào ?

b) Nêu một cách phát hiện một vật đã bị nhiễm điện.

**Câu 10.** a) Nêu tên của một dụng cụ điện chứng tỏ dòng điện có thể chạy qua chất khí.

b) Hạt nào trong kim loại dịch chuyển có hướng để tạo thành dòng điện ?

**Câu 11.** a) Mô tả một hiện tượng chứng tỏ dòng điện có tác dụng hoá học.

b) Kể tên hai dụng cụ điện thường dùng mà hoạt động của chúng dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện.

**3) Đáp án- Biểu điểm:****I/ Khoanh tròn chữ cái**

( Mỗi ý đúng: 0,5đ)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	D	A	C

**II/ Dùng từ điền vào chỗ trống**

**Câu 5:** cùng loại 0,5đ

**Câu 6:** tác dụng từ 0,5đ

**III/ Ghép cột**

**Câu 7:** A - 4; B - 1; C - 2; D - 3 1đ

**Câu 8:** A - 3; B - 4; C - 2; D - 1 1đ

**IV/ Viết câu trả lời****Câu 9:**

a. Bằng cách cọ xát 0,75

đ  
a. Đưa vật đó lại gần các vụn giấy, nếu vật đã nhiễm điện thì có khả năng hút các vụn giấy 0,75đ

<b>Đáp án</b>	<b>Biểu điểm</b>
<b>Câu 10:</b>	0,75đ

a) Bóng đèn bút thử điện	0,75đ
b) Electron tự do	
<b>Câu 11:</b>	1đ
a) Dòng điện chạy qua dung dịch đồng sunphat có thể tách đồng ra khỏi dung dịch	1đ
b) Bàn ủi điện, bếp điện	

**4) Thông kê kết quả:**

Lớp	TSHS	Trên TB (%)	Dưới TB (%)
7A3			
7A4			

**5) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

- Xem trước bài: Cường độ dòng điện”

**V/ Rút kinh nghiệm:**

.....  
 .....

Ngày soạn: .....

Tuần: 29

Ngày dạy: .....

**Chủ đề 3: ĐIỆN HỌC**

**Tiết 28: CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài cường độ dòng điện.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài cường độ dòng điện.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:

3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN		HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	
<b>Hoạt động 1: ôn lại lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>			
<p>- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:</p> <p>+ Cường độ dòng điện cho biết gì?</p> <p>+ Hãy nêu ký hiệu của cường độ dòng ?</p> <p>+ Cường độ dòng điện đo bằng đơn vị, dụng cụ gì?</p> <p>+ Đo cường độ dòng điện nhỏ bằng đơn vị nào?</p> <p>+ Mắc ampe kế vào mạch điện theo cách mắc nào và mắc như thế nào?</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>		<p><b>A- Lý thuyết:</b></p> <p>- Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV.</p> <p>-&gt; Cường độ dòng điện cho biết mức độ mạnh yếu của dòng điện</p> <p>-&gt; Ký hiệu bằng chữ I</p> <p>-&gt; Am pe; Am pe kế.</p> <p>-&gt; Miliampe.</p> <p>-&gt; Mắc ampe kế nối tiếp với mạch điện, mắc cực dương của am pe kế với cực dương của nguồn, cực âm của ampe kế qua các vật dẫn rồi đến cực âm của nguồn.</p> <p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>- HS tiếp nhận thông tin.</p>	
<b>Hoạt động 2: Vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>			
<p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1.</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>a/ Đổi các đơn vị sau ra miliampe: 4A; 0,14A; 1,25A; 0,02A; 0,004A.</p> <p>b/ Đổi các đơn vị sau ra miliampe: 120mA; 3500mA; 1540mA; 25mA; 8mA.</p> <p>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm.</p> <p>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>Cho 4 ampe kế lần lượt có giới hạn đo như sau: - 50mA; 1,5A; 0,5A; 1A.</p> <p>Đề đo các cường độ dòng điện 0,35A; 12mA; 0,8A; 1,2A; ta lần lượt dùng ampe kế thích hợp nào?</p> <p>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</p> <p>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</p>		<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Trả lời:</b></p> <p>a/ <math>4A = 4000mA</math>; <math>0,14A = 140mA</math>; <math>1,25A = 1250mA</math>; <math>0,02A = 20mA</math>; <math>0,004A = 4mA</math>.</p> <p>b/ <math>120mA = 0,12A</math>; <math>3500mA = 3,5A</math>; <math>1540mA = 1,54A</math>; <math>25mA = 0,025A</math>; <math>8mA = 0,008A</math>.</p> <p style="text-align: right;"><b>Trả lời:</b></p> <p>* Dùng ampe kế có giới hạn đo 50mA để đo dòng điện có cường độ 12mA.</p> <p>* Dùng ampe kế có giới hạn đo 1,5A để đo dòng điện có cường độ 1,2A.</p> <p>* Dùng ampe kế có giới hạn đo 0,5A để đo dòng điện có cường độ 0,35A.</p> <p>* Dùng ampe kế có giới hạn đo 1A để đo dòng điện có cường độ 0,8A.</p>	
<b>Hoạt động 4: Hướng dẫn về nhà &lt; 5 phút &gt;</b>			
<p>+ Học thuộc phần ghi nhớ.</p> <p>+ Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.</p> <p>+ Học kỹ và làm bài tập thêm.</p> <p>+ Xem trước bài - <b>Hiệu điện thế.</b></p>		<p>- Lưu ý đến những nhắc nhở của GV.</p>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>		<b>Xác nhận của tổ trưởng tổ chuyên môn</b>	
<b>Xác nhận của BGH</b>			

--	--	--



Ngày soạn: .....  
Ngày dạy: .....

Tuần: 30

**Chủ đề 3: ĐIỆN HỌC**

**Tiết 29: HIỆU ĐIỆN THẾ**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giải thích được một số hiện tượng liên quan tới bài Hiệu điện thế.
- Khắc sâu thêm kiến thức của bài Hiệu điện thế.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Hệ thống các bài tập có liên quan tới chủ đề.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

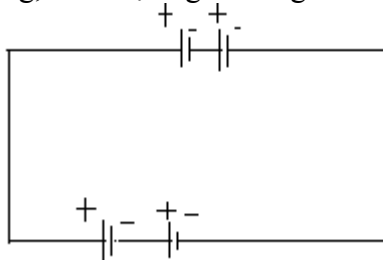
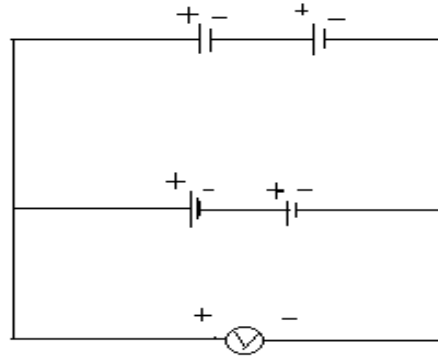
1. Ôn định: kiểm tra sĩ số:

Lớp 7A3:

lớp 7A4:

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ vào bài giảng:
3. bài mới:

TRỢ GIÚP CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<b>Hoạt động 1: ôn lại lý thuyết &lt; 10 phút &gt;</b>	
- Tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức của bài bằng các câu hỏi như:  + Hiệu điện thế được tạo ra ở đâu?  + Hãy nêu ký hiệu của hiệu điện thế ? + Hiệu điện thế đo bằng đơn vị, dụng cụ gì? + Hiệu điện thế còn đo bằng đơn vị nào? + Mắc vôn kế vào mạch điện theo cách mắc nào và mắc như thế nào?  + Giá trị ghi trên mỗi nguồn điện cho biết gì?	<b>A- Lý thuyết:</b> - Học sinh nhắc lại kiến thức qua các câu hỏi của GV. -> Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một hiệu điện thế. -> Kí hiệu bằng chữ U -> Vôn; Vôn kế.  -> Milivôn, kilôvôn. -> Mắc vôn kế song song với mạch điện, mắc cực dương của vôn kế với cực dương của nguồn, cực âm của vôn kế với cực âm của nguồn. + Hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn khi chưa

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>mắc vào mạch.</li> <li>- HS tham gia trả lời.</li> <li>- HS tiếp nhận thông tin.</li> </ul>	
<b>Hoạt động 2: Vận dụng &lt; 30 phút &gt;</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 1.</li> </ul> <p><b>Bài 1:</b> a/ Đổi các đơn vị hiệu điện thế sau:  <math>500\text{kV} = \dots\dots\dots \text{V}</math>  <math>220\text{V} = \dots\dots\dots \text{kV} = \dots\dots\dots \text{mV}</math>  <math>6\text{V} = \dots\dots\dots \text{mV}</math>  <math>15\text{kV} = \dots\dots\dots \text{V} = \dots\dots\dots \text{mV}</math>  <math>220000\text{mV} = \dots\dots\dots \text{V} = \dots\dots\dots \text{kV}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm.</li> <li>- Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bài 2.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b> Có 4 nguồn giống nhau, mỗi nguồn có hiệu điện thế <math>U = 1,5\text{V}</math>. Hãy mắc thành bộ nguồn sao cho hiệu điện thế của bộ nguồn là <math>U' = 3\text{V}</math>. Sau đó hãy chỉ ra cách mắc vôn kế để kiểm tra lại hiệu điện thế bộ nguồn này?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS lần lượt trả lời.</li> <li>- GV chốt lại vấn đề cần nắm</li> </ul>	<p><b>B- Bài tập:</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Trả lời:</b></p> <p><math>500\text{kV} = 500\ 000\text{V}</math>  <math>220\text{V} = 0,22\text{kV} = 220\ 000\text{mV}</math>  <math>6\text{V} = 6\ 000\text{mV}</math>  <math>15\text{kV} = 15\ 000\text{V} = 15\ 000\ 000\text{mV}</math>  <math>220000\text{mV} = 220\text{V} = 0,22\text{kV}</math></p> <p style="text-align: right;"><b>Trả lời:</b></p> <p>* 4 nguồn nói trên được chia làm 2 mạch rẽ song song, mỗi mạch gồm 2 nguồn mắc nối tiếp với nhau.</p>  <p>* Để mắc vôn kế kiểm tra lại hiệu điện thế của bộ nguồn nói trên, ta mắc như sau:</p> 	
<b>Hoạt động 4: Hướng dẫn về nhà &lt; 5 phút &gt;</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học thuộc phần ghi nhớ.</li> <li>+ Hoàn thành những câu trả lời chưa hoàn thiện.</li> <li>+ Học kỹ và làm bài tập thêm.</li> <li>+ Xem trước bài - <b>Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ dùng điện.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu ý đến những nhắc nhở của GV.</li> </ul>	
<b>Rút kinh nghiệm sau bài dạy</b>	<b>Xác nhận của tổ trưởng tổ chuyên môn</b>	<b>Xác nhận của BGH</b>

